

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THÁNG 11/2024

CHỜ ĐỢI DÒNG TIỀN

ĐIỂM NHẤN THÁNG 10/2024

- Kinh tế Mỹ bị ảnh hưởng nặng nề bởi cơn bão cơn bão Helene và Milton chỉ tạo ra 12,000 việc làm mới, thấp hơn rất nhiều so với kỳ vọng. Lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc đã có sự hồi phục nhẹ khi PMI trên ngưỡng 50 điểm nhưng PPI vẫn đang âm thể hiện những thách thức các nhà sản xuất tại Trung Quốc đang phải đối mặt. Lạm phát tại Mỹ giữ ở mức ổn định trong khi lạm phát tăng lên ở EU ([trang 13-16](#)).
- Tại Việt Nam, sản xuất đã phục hồi sau ảnh hưởng của cơn bão Yagi. Cụ thể, PMI quay đầu tăng lên mức 51.2 sau khi sụt giảm mạnh xuống mức 47.3 trong tháng trước. Tỷ giá VND/USD quay đầu bật tăng mạnh so với tháng trước do ảnh hưởng bởi các thông tin tiêu cực ([trang 17-24](#)).
- Tháng 10/2024, TTCK Việt Nam tiếp tục thất bại trong việc chinh phục mốc “cản tâm lý cứng” 1.300 điểm. Thanh khoản trên thị trường cũng ghi nhận giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 3/2024 với trung bình GTGD/phần chỉ đạt 16.047 tỷ đồng. VN-Index kết thúc tháng tại mốc 1.264, giảm -1,82% so với tháng trước ([trang 26-27](#)).
- Nhóm tự doanh tăng cường giá trị mua, trong khi khối ngoại quay lại bán ròng quyết liệt với giá trị bán ròng gấp hơn 4 lần tháng trước ([trang 28-29](#)).
- Kết quả kinh doanh quý 3/2024 tích cực hỗ trợ dòng tiền tại các nhóm **Ngân hàng, Bản lẻ, Tiêu dùng và Cảng, vận tải** ([trang 30-31](#)).

◉ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10/2024

- Chúng tôi nhận định trong tháng 10, các yếu tố vĩ mô và KQKD Q3 đều tăng trưởng tích cực là các thông tin hỗ trợ thị trường. Tuy nhiên, các thông tin đó có thể đã được phản ánh vào nhịp tăng trước đó. Thị trường chung và các nhóm cổ phiếu trụ đã có dấu hiệu dòng tiền suy yếu và cho tín hiệu điều chỉnh. Do đó, chúng tôi dự báo 2 kịch bản thị trường điều chỉnh giảm về các ngưỡng hỗ trợ quan trọng là 1260-1245 (HT1), 1217 – 1205 (HT2)...
- Chúng tôi khuyến nghị NĐT ưu tiên mua mới khi VN-Index giảm về các ngưỡng hỗ trợ và có tín hiệu dòng tiền vào mạnh.
- Thực tế, VN-Index đã chạm ngưỡng 1.300 điểm nhưng không thể vượt được ngưỡng kháng cự mạnh này. VN-Index kết thúc tháng tại mốc 1264, giảm 1,82% so với tháng trước. Kết quả danh mục các cổ phiếu chúng tôi khuyến nghị được tổng hợp tại trang sau.



➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10/2024

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ TRONG THÁNG 10/2024

- Có 05/12 cổ phiếu chạm vùng giá mua khuyến nghị.
- Biến động giá cả danh mục là **-0,4%** theo giá cuối tháng 10 và **+4,8%** theo giá cao nhất đạt được trong tháng 10/2024, so với giá tại ngày khuyến nghị, tốt hơn so với mức biến động của VN-Index tương ứng là **-0,6%** và **+2,4%**.

STT	Mã cổ phiếu	Giá tại ngày ra báo cáo (8/10/2024)	Vùng giá mua đề xuất	Giá thấp nhất chạm vùng KN	Giá mục tiêu – TP1 (TA)	Giá mục tiêu - TP2 (TA)	Giá cắt lỗ (SL)	Giá tại ngày 31/10/2024 hoặc giá cắt lỗ	Tăng/ Giảm (%) so với giá chạm thấp nhất trong vùng KN (hoặc so với giá tại ngày ra báo cáo nếu không có giá chạm vùng KN)	Giá chạm cao nhất trong tháng	Tăng/ Giảm (%) so với giá ngày báo cáo	Sự kiện cổ đông trong tháng 10/ Ghi chú
1	SHS	15.4	13.7-14.3	14.3	17	19	13.3	13.30	-7%	16.6	7.8%	Cắt lỗ do chạm SL
2	VIX	12	10.8-11.2	11	15-16		10	10.95	-0.5%	13	5.4%	n/a
3	ORS	14.35	12.5-13.5		16	19	12.2	14.25	-0.7%	15.1	4.9%	n/a
4	TPB	17.55	16-16,5		19-20		15.5	17.30	-1.4%	18.1	3.1%	n/a
5	VPB	20.1	18.5-19.5		22		18	20.45	1.7%	21.1	4.7%	n/a
6	MSB	12.8	11.5-12		14-15		11	12.35	-3.5%	13.4	4.3%	n/a
7	VGT	14.1	12.7-13.3		15-16	18	12.4	13.70	-2.8%	14.9	5.7%	n/a
8	TCM	46.1	40-41		50		38	45.40	-1.5%	49.2	6.6%	n/a
9	PVB	30.7	27.5-28.5	27.5	33	36	26	27.90	1.5%	32.0	4.2%	n/a
10	PLX	44.65	41-42	41.4	48-50	56	39	41.10	-0.7%	45.5	1.9%	n/a
11	HAH	41.45	38-39		45		36	43.90	5.9%	44.3	6.8%	n/a
12	DHC	37.2	36-37	36.3	41-42	46	34.5	34.50	-5%	38.0	2.2%	Cắt lỗ do chạm SL
Trung bình									-0.4%		4.8%	
VN-Index								1,264.48	-0.6%	1,302.22	2.4%	

Ghi chú: Các cổ phiếu trong danh mục không có sự kiện doanh nghiệp trong tháng 10

➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10/2024

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ TRONG THÁNG 08 và 09/2024 VÀ TIẾP TỤC NẮM GIỮ TRONG THÁNG 10/2024

- Biến động giá cả danh mục là **-2,7%** theo giá cuối tháng 10 và **+4,5%** theo giá cao nhất đạt được trong tháng 10/2024, so với giá tại ngày khuyến nghị.

STT	Mã cổ phiếu	Giá tại ngày ra báo cáo (8/10/2024)	Giá tại ngày 31/10/2024	Tăng/ Giảm (%) so với giá ngày báo cáo	Giá chạm cao nhất trong tháng	Tăng/ Giảm (%) so với giá ngày báo cáo	Sự kiện cổ đông trong tháng 10
1	TCB	24.4	23.90	-2.0%	25.2	3.3%	n/a
2	MBB	25.2	25.05	-0.6%	26	4.0%	n/a
3	VCI	37.3	34.65	-7.1%	38.4	2.9%	n/a
4	HCM	30.6	28.80	-5.9%	31.8	3.9%	n/a
5	VNM	68.2	66.10	-3.1%	73.15	7.3%	n/a
6	PNJ	94.8	96.20	1.5%	100.60	6.1%	Cổ tức bằng tiền, 1400đ/CP
7	DGC	113.9	112.30	-1.4%	118.80	4.3%	
Trung bình				-2.7%		4.5%	

Về yếu tố Phân tích kỹ thuật:

Trong Báo cáo chiến lược tháng 10, chúng tôi đã đưa ra các kịch bản thị trường điều chỉnh ngắn hạn và đã khuyến cáo nhà đầu tư hạ tỷ trọng cổ phiếu trong các Bản tin thị trường ngày và tuần trong tháng 10.

Cho tới thời điểm hiện tại, thị trường tiếp tục cho tín hiệu điều chỉnh trên khung biểu đồ ngày. Chỉ số thị trường chung VN-Index và VN30 đều đã và đang điều chỉnh giảm khoảng -4,5% từ vùng đỉnh xuống ngưỡng hỗ trợ đã nêu trong BCCL tháng 10.

Tổng quan, VN-Index đang vận động trong mô hình giá đi ngang trên biểu đồ tuần, với các nhịp tăng - giảm đan xen trong khung biểu đồ ngày. Thị trường điều chỉnh giảm tiệm cận về tới các mốc hỗ trợ với thanh khoản yếu cho thấy tâm lý giao dịch của thị trường trầm lắng, do đó phần lớn cổ phiếu rơi vào trạng thái vượt cản chưa thành công.

Diễn biến dòng tiền trong tháng 10 tiếp tục là sự không đồng thuận giữa các nhóm nhà đầu tư trên thị trường. Trong khi Tự doanh các CTCK mua ròng mạnh, nhà đầu tư cá nhân mua ròng nhẹ, thì nhóm NĐT nước ngoài và tổ chức trong nước đều bán ròng với tổng giá trị lớn.

Xu hướng tháng: giá điều chỉnh về MA10 tháng rút chân nhẹ, khối lượng giao dịch khá lớn, gây áp lực lên khung giao dịch tuần.

Xu hướng tuần: đường giá nằm dưới MA10/20 tuần, đã có cây nến xuyên qua 2 đường trung bình MA10/20 ở tuần thứ 3 của tháng 10 với lực cung chiếm ưu thế. Có sự phân kỳ âm giữa giá và đường MACD, cho thấy xu hướng tiếp tục đi xuống.

Xu hướng ngày: xu hướng điều chỉnh trên 2 khung tháng và tuần tạo áp lực xuống khung ngày gây nên diễn biến điều chỉnh mang tính đồng pha giữa các khung thời gian. Do đó các nhịp điều chỉnh ngày đang ở xu hướng tiếp diễn, với MA10 ngày đang nằm dưới MA20, chỉ báo MACD đang cho các nhịp giảm dưới đường zero...

Các vùng hỗ trợ và kháng cự:

- | | |
|---------------------------|-------------------------|
| • Kháng cự 1: 1285 - 1305 | • Hỗ trợ 1: 1245 – 1225 |
| • Kháng cự 2: 1305 - 1316 | • Hỗ trợ 2: 1207 – 1190 |
| • Kháng cự 3: 1340 - 1350 | • Hỗ trợ 3: 1190 – 1164 |

Các yếu tố vĩ mô:

Thị trường bước vào tháng 11 với nhiều tin tức tích cực so với tháng trước.

- Trên thế giới, lạm phát đang diễn biến theo đà giảm tại các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, UK,... củng cố xu hướng nổi lỏng tiền tệ của các nước này. Fed tiếp tục giảm lãi suất điều hành thêm 25 điểm cơ bản trong tuần đầu tháng 11 và dự báo tiếp tục cắt giảm ít nhất thêm 25 điểm cơ bản trong kỳ họp tháng 12 tới.
- Việc ông Trump trúng cử tổng thống Mỹ được kỳ vọng đem đến nhiều thay đổi lớn trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Trước mắt, ngay sau khi ông Trump được tuyên bố trúng cử, các điểm nóng xung đột trên thế giới như Trung Đông đã phần nào hạ nhiệt...
- Tuy nhiên, sản xuất và việc làm được chứng kiến tiếp tục thu hẹp tại các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU... Nhiều nước đã phải chuẩn bị đối mặt với việc Mỹ áp dụng chính sách thương mại thắt chặt với hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ, có thể khiến kinh tế toàn cầu thêm khó khăn.

Các yếu tố vĩ mô (tiếp):

- Trong nước, sản xuất hồi phục đáng kể với việc các chỉ số IIP và PMI tháng 10 đều tăng mạnh so với tháng 9. Xuất khẩu và vốn đầu tư FDI tiếp tục tích cực. Tăng trưởng tín dụng bứt tốc trong khi thị trường TPDN giảm mạnh phát sinh trái phiếu chậm trả. Đà tăng trưởng dự kiến tiếp tục duy trì tích cực trong 2 tháng còn lại của 2024.
- Các biện pháp đẩy mạnh giải ngân đầu tư công liên tục được triển khai, nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch cả năm 2024.
- Tuy nhiên, điểm trừ là các diễn biến không mong muốn trên thị trường tài chính với việc lãi suất huy động các NHTM đã đồng loạt tăng trở lại trong nửa đầu tháng 11 trong khi tỷ giá đã tăng trở lại trong 3 tuần gần đây, lên mức cao kỷ lục 25.500 VND/USD, tương đương tăng +4,4% so với đầu năm.

Tâm điểm của thị trường chứng khoán trong tháng 11 sẽ là:

- Việc cải cách thể chế với việc nhiều bộ luật được sửa đổi trong Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV khai mạc ngày 21/10/2024, được kỳ vọng gỡ các nút thắt thể chế hỗ trợ tăng trưởng. Theo đó, lần đầu tiên Quốc hội áp dụng việc:
 - Một luật sửa nhiều luật ((i) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; và (ii) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập và Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế).
 - Thông qua các Nghị quyết thí điểm về các vấn đề cấp bách.

Ngoài ra, kỳ họp lần này dự kiến thông qua chủ trương thực hiện dự án xây dựng đường sắt cao tốc với dự toán 67 tỷ USD, là lực đẩy cho đầu tư công trong 2025.

- Chính sách thương mại của ông Trump dự kiến đánh thuế vào hàng hóa Trung Quốc lên đến 60%. Điều này một mặt khiến nhiều mặt hàng thay thế của Việt Nam trở nên có sức cạnh tranh hơn khi xuất khẩu sang Mỹ, nhưng mặt khác có thể khiến hàng hóa giá rẻ Trung Quốc tràn vào thị trường Việt Nam trước áp lực dư cung tại thị trường Trung Quốc. Ngoài ra, xu hướng dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam sẽ được tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ.
- Các động thái gần đây về việc một số nhà cung ứng lớn cho các tập đoàn công nghệ Mỹ thân chính phủ Trump như SpaceX dịch chuyển sản xuất sang Việt Nam, cũng như xu hướng hợp tác công nghệ Mỹ - Việt Nam có thể giúp các doanh nghiệp công nghệ Việt Nam hưởng lợi.
- Về mặt định giá, với sự sụt giảm của VN-Index trong tháng 10 và KQKD Q3 tăng trưởng tốt so với cùng kỳ, P/E của VN-Index giảm từ 14,05x cuối tháng 9 xuống 13,36x cuối tháng 10, thấp hơn -1 độ lệch chuẩn (Std) của chỉ số này trong 1 năm qua. P/E kỳ vọng cho cả năm 2024 dự kiến ở mức thấp hơn do KQKD cả thị trường được dự báo tiếp tục phục hồi trong quý cuối năm.
- Các cổ phiếu vốn hóa lớn trong VN30 đang có định giá P/E là 12,2x, thấp hơn nhiều so với các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ trong VNMID (17,56x) và VNSML (13,06x).

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 11/2024

Dự báo diễn biến VN-Index trong tháng 11/2024:

Với các diễn biến nêu trên, chúng tôi cho rằng mặc dù triển vọng kinh tế Việt Nam khá tích cực, trong ngắn hạn, thị trường vẫn phải đối mặt với khó khăn về dòng tiền khi vốn ngoại tiếp tục bán ròng trong bối cảnh đồng USD và lợi suất TPCP Mỹ tăng trở lại. Trước áp lực về tỷ giá, NHNN phải thực hiện hút tiền qua kênh thị trường mở trong khi ngành ngân hàng đang cần thanh khoản để đáp ứng nhu cầu vốn tăng cao dịp cuối năm. Do đó, chúng tôi dự báo 2 kịch bản cho thị trường trong tháng 11 như sau:

Kịch bản 1: Thị trường tiếp tục suy giảm với thanh khoản giao dịch yếu (10-12k tỷ/phần) về biên dưới của mốc hỗ trợ 1 quanh 1225 điểm, tín hiệu mua khi đó cần xem trên biểu đồ H1 có nền rút chân tương đối mạnh, nhà đầu tư có thể mở vị thế mua ngắn hạn.

Kịch bản 2: Khi thị trường giảm qua vùng giá 1225 với thanh khoản lớn và không cho tín hiệu cầu mua chủ động, nhà đầu tư nên chờ giao dịch ở vùng giá Hỗ trợ 2 và Hỗ trợ 3. Đây là các mốc hỗ trợ quan trọng thiết lập bởi vùng đáy cũ ghi nhận trong tháng 4 và tháng 8/2024 và đỉnh của năm 2023, hợp lưu ngưỡng Fibonacci 50%.

Khuyến nghị

Thị trường chung đang cho áp lực điều chỉnh giảm, các kịch bản giao dịch hướng tới các chiến lược mua vào vị thế ngắn hạn khi VN-Index và cổ phiếu tiệm cận về hỗ trợ đáng tin cậy.

Nhà đầu tư nên quan tâm đến các nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ xu hướng vĩ mô như: BĐS khu công nghiệp, Dệt may, Thủy sản, Công nghệ, Thực phẩm... Nên lựa chọn các cổ phiếu đầu ngành, có yếu tố cơ bản và triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tốt, thể hiện sức mạnh hơn thị trường chung hoặc các cổ phiếu tạo mô hình đáy...

Danh mục cổ phiếu khuyến nghị của ABS trong tháng 11 được trình bày ở phần sau của báo cáo này.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 11/2024

Chỉ số VNINDEX · 1W O 1252.76 H 1267.88 L 1250.94 C 1264.48 +11.76 (+0.94%) Khối lượng 1.836B

▼ 4



TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 11/2024



MỤC LỤC

TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI 12

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM 17

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 25

NHẬN ĐỊNH & KHUYẾN NGHỊ 32



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest



Mở tài khoản để tham gia
room tư vấn của
Trung tâm Tư vấn Đầu tư ABS

TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI



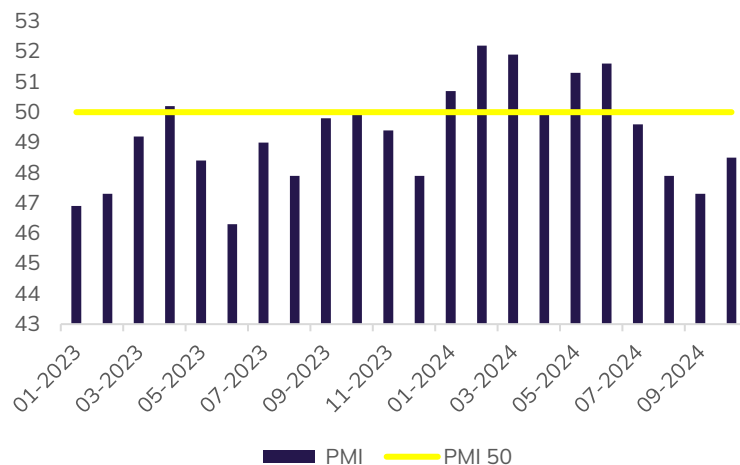
Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest



Mở tài khoản để tham gia
room tư vấn của Trung
tâm Tư vấn Đầu tư ABS



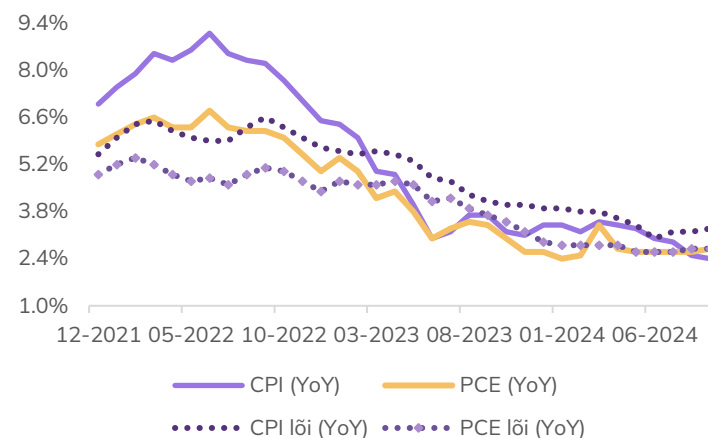
PMI tiếp tục thu hẹp



Nguồn: Investing, ABS Research

- Trong tháng 10/2024, PMI đạt mức 48,5, cao hơn một chút so với con số dự kiến ban đầu là 47,8 nhưng vẫn dưới ngưỡng 50, cho thấy sự thu hẹp tiếp diễn. Mặc dù vậy, mức suy giảm đã chậm lại so với mức đáy là 47,3 vào tháng 9.
- Sự bất ổn trước thêm cuộc bầu cử Tổng thống được coi là lý do chính khiến các đơn đặt hàng mới tiếp tục giảm, nhưng tốc độ giảm đã chậm lại và sản xuất đã được thu hẹp ở mức nhỏ nhất trong ba tháng. Tuy nhiên, các nhà sản xuất vẫn tiếp tục cắt giảm việc làm và hoạt động mua hàng. Áp lực lạm phát đã dịu đi, với chi phí đầu vào tăng ở tốc độ chậm nhất trong gần một năm và lạm phát giá đầu ra cũng giảm.

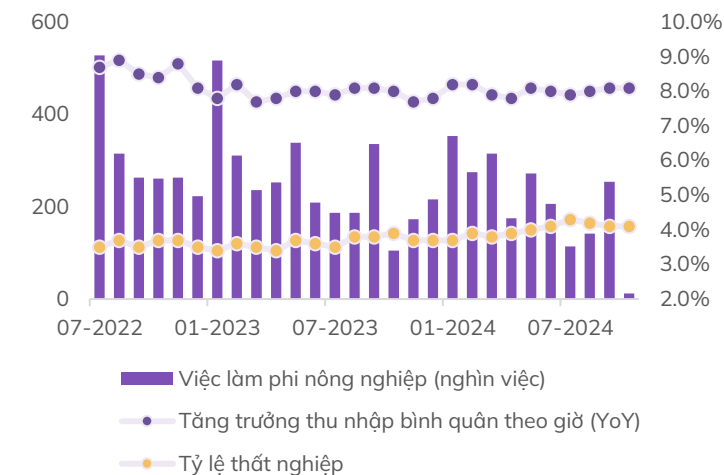
CPI Mỹ tiếp tục xu hướng giảm



Nguồn: Investing, ABS Research

- Tháng 9/2024 tiếp tục đánh dấu tháng thứ 6 CPI giảm trong năm nay và đạt 2.4%, giảm nhẹ từ mức 2,5% của tháng 8. Giá năng lượng và xăng dầu sụt giảm mạnh đã góp phần khiến chỉ số lạm phát thấp hơn so với tháng 8, trong khi giá nhà ở và thực phẩm đóng góp hơn 75% mức tăng của CPI.
- Số liệu PCE lõi tháng 8 tăng 2.7% svck, cao hơn so với dự báo là 2.6% và giữ ổn định so với mức của tháng 8. PCE lõi tăng 0.3% so với tháng trước, đây là mức tăng lớn nhất kể từ tháng 4 năm nay. Việc CPI và PCE ổn định nhưng chưa giảm về mức mục tiêu là 2% có thể sẽ khiến Fed thận trọng hơn trong việc cắt giảm lãi suất trong những tháng tới.

Số liệu việc làm

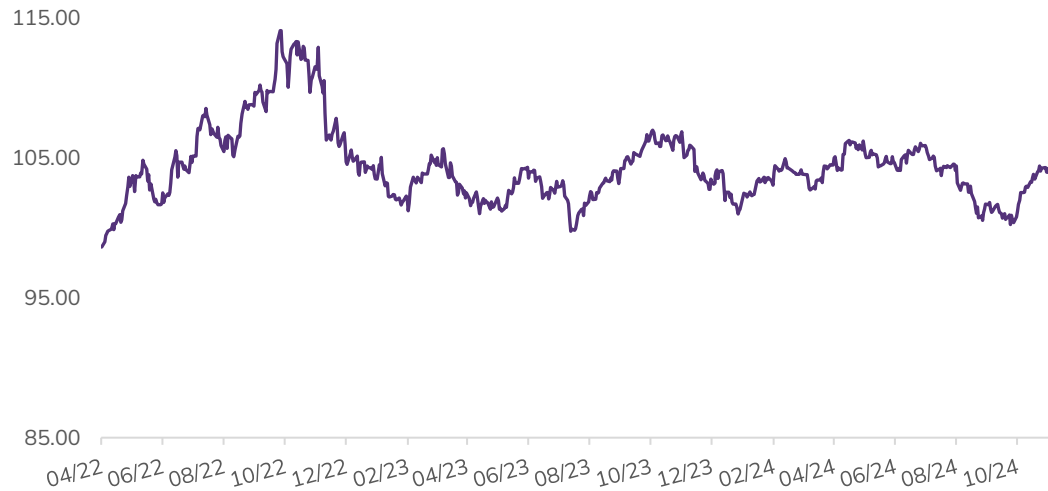


Nguồn: Investing, ABS Research

- Trong báo cáo việc làm của Mỹ tháng 10/2024, nền kinh tế chỉ tạo thêm 12,000 việc làm mới, thấp hơn rất nhiều so với kỳ vọng 100,000 việc làm. Nguyên nhân sự suy giảm này chủ yếu đến từ các cuộc đình công trong lĩnh vực sản xuất và ảnh hưởng của các cơn bão Helene và Milton đổ bộ vào một số khu vực của Mỹ.
- Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức 4,1%, khớp với dự báo và không thay đổi so với tháng trước. Ngành sản xuất chịu ảnh hưởng nặng nề nhất với việc giảm 46,000 việc làm, đặc biệt là từ cuộc đình công của Boeing, trong khi các ngành chăm sóc sức khỏe và chính phủ vẫn ghi nhận tăng trưởng.

• DXY và lợi suất TPCP Mỹ đồng thời bật tăng mạnh

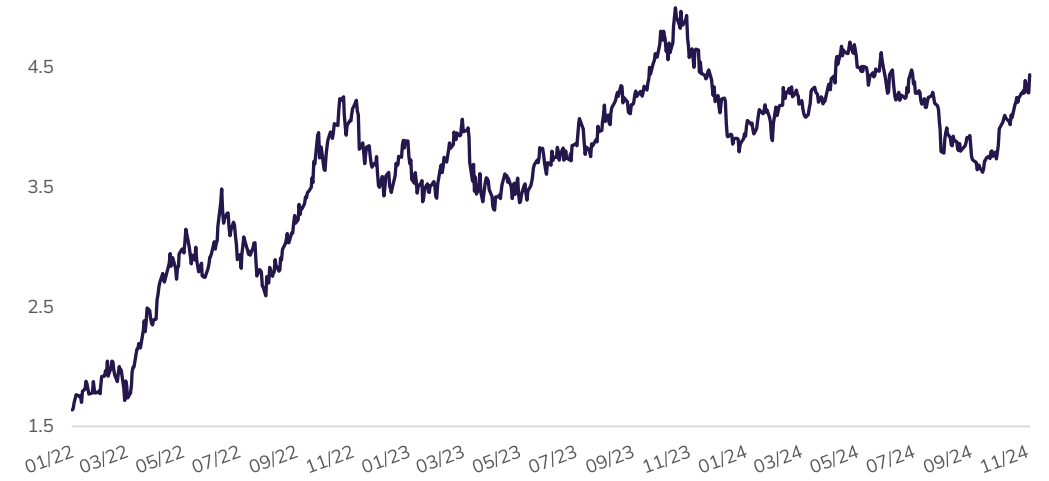
DXY tăng mạnh



Nguồn: Investing, ABS Research

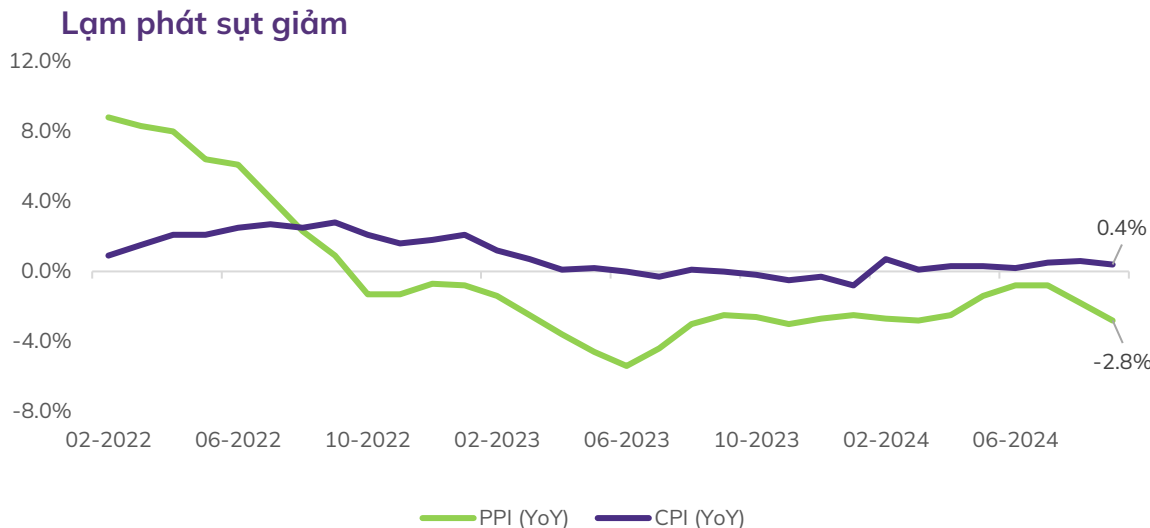
- Chỉ số DXY quay đầu tăng mạnh sau khi tạo đáy vào cuối tháng 9, tăng từ mức 100.78 lên mức 105.09 vào ngày 06/11 trong bối cảnh bầu cử Mỹ đi vào hồi kết, chủ tịch Hạ viện nước này đã tuyên bố ông Trump đắc cử tổng thống. Nguyên nhân cho sự tăng mạnh này có thể đến từ (i) nền kinh tế Mỹ đang vững mạnh hơn các nền kinh tế khác và được tin tưởng có triển vọng phục hồi tốt dưới thời của Tổng thống Trump 2.0, (ii) thị trường kỳ vọng cựu tổng thống Trump tái đắc cử với các chính sách nghiêng về gia tăng thâm hụt ngân sách từ đó hạ lãi suất chậm lại do lo ngại lạm phát tăng trở lại...
- Vào ngày 7/11, để tiếp tục hỗ trợ nền kinh tế, FED đã quyết định hạ lãi suất điều hành 25 bps xuống còn 4,5% - 4,75%.
- Theo công cụ FedWatch của CME Group, tỷ lệ Fed hạ lãi suất 0,25% trong tháng 12 ở mức 75,2% trong khi 24,8% còn lại cho rằng Fed sẽ giữ nguyên lãi suất để chống lạm phát.

Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (Đơn vị : %)



Nguồn: Investing, ABS Research

- Những biến động không chỉ gói gọn trên thị trường tiền tệ mà lan sang thị trường TPCP Mỹ. Cụ thể, lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm cũng đảo chiều tăng mạnh trở lại đạt mức 4,43% vào ngày 06/11 tăng 70 điểm cơ bản so với thời điểm đầu tháng 10 năm. Nguyên nhân chủ yếu là do các nhà đầu tư bán tháo trái phiếu với kỳ vọng Fed sẽ giảm lãi suất với tốc độ chậm hơn để chống lạm phát từ đó yêu cầu một mức lợi suất trái phiếu cao hơn. Ngoài ra, xu hướng suy giảm rõ rệt trong sức hấp dẫn của trái phiếu chính phủ Mỹ đối với các nhà đầu tư nước ngoài đang diễn ra do những quan ngại về gánh nặng nợ gia tăng của Mỹ và căng thẳng địa chính trị.
- Chúng tôi cho rằng lợi suất TPCP Mỹ sẽ duy trì ở vùng này trong các tháng cuối năm 2024 khi mà các yếu tố trên đã được phản ánh vào lợi suất.



Nguồn: Investing, ABS Research

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Trung Quốc đã tăng 0,4% so với cùng kỳ vào tháng 9 năm 2024, giảm nhẹ so với mức tăng 0,6% của tháng 8. Mức tăng này chủ yếu do ảnh hưởng của thời tiết cực đoan khiến giá thực phẩm tăng 3,3%, trong đó, đáng chú ý giá rau và giá thịt lợn tăng mạnh lần lượt là 22,9% và 16,2%. Ngược lại, giá các mặt hàng phi thực phẩm giảm, cụ thể, chi phí vận chuyển giảm 4,1% do giá dầu thô giảm. Ngoài ra, thị trường nhà ở tiếp tục chịu áp lực giảm phát, với giá thuê nhà giảm 0,4% so với cùng kỳ.
- Chỉ số giá sản xuất (PPI) của Trung Quốc tiếp tục cho thấy sự suy giảm đáng kể, với mức giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước. Đây là tháng thứ 24 liên tiếp chỉ số này giảm, phản ánh sự yếu kém trong nhu cầu nội địa và những biến động trong chi phí sản xuất. Việc PPI liên tục giảm cho thấy còn nhiều thách thức đối với các nhà sản xuất Trung Quốc.

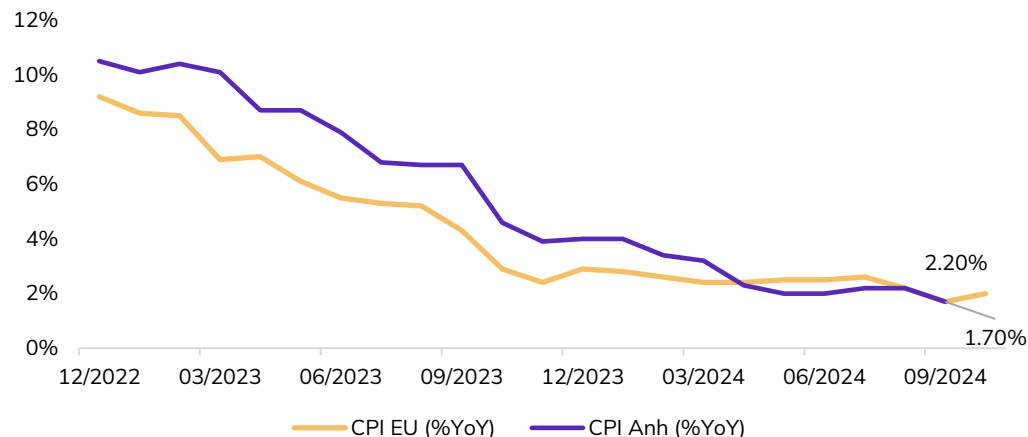
Dấu hiệu khởi sắc của ngành sản xuất



Nguồn: Investing, ABS Research

- Trong tháng 10/2024, Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất của Trung Quốc đã tăng lên mức 50,1, đánh dấu sự quay trở lại mức tăng trưởng nhẹ sau năm tháng liên tiếp suy giảm. Sự phục hồi này chủ yếu do các chính sách của chính phủ nhằm thúc đẩy nhu cầu trong nước và hỗ trợ khu vực công nghiệp. Nhìn sâu vào các chỉ số trong PMI, chúng tôi thấy hầu hết các chỉ số đều có sự cải thiện so với tháng trước. Cụ thể, sản xuất đạt mức cao nhất trong 6 tháng là 52,0, các đơn đặt hàng mới cũng trở lại mức 50 sau khi thu hẹp trong 5 tháng trước đó. Mặc dù vẫn tiếp tục thu hẹp nhưng mức độ có sự sụt giảm so với các tháng trước đó, trong đó, sức mua tăng từ 47,6 lên 49,3 và nhập khẩu tăng từ 46,1 lên 47,0. Tuy nhiên, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tiếp tục giảm trong tháng, xuống mức thấp nhất trong 8 tháng là 47,3 báo hiệu nhu cầu trên thế giới vẫn còn yếu.
- Chỉ số PMI Caixin (chỉ số tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ với thiên hướng xuất khẩu) tăng lên mức 50,3 từ mức 49,3 vào tháng 9.

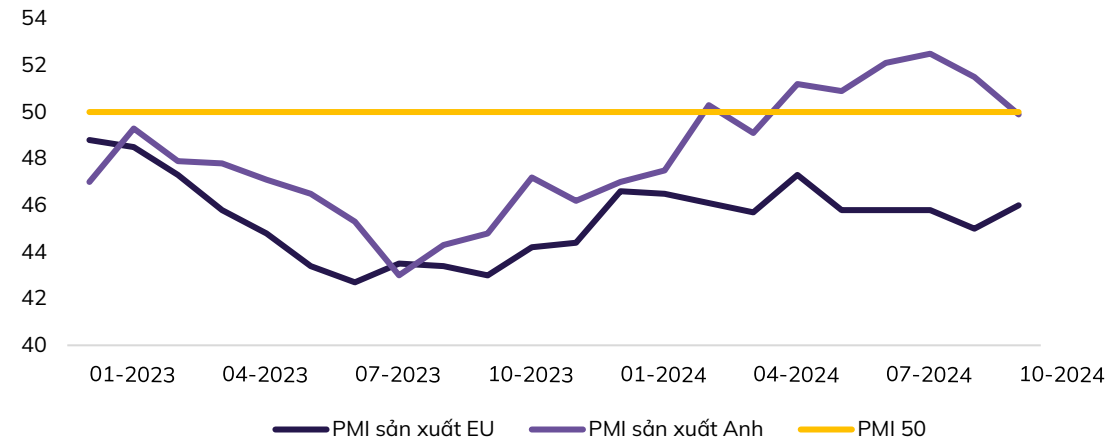
Lạm phát đạt mục tiêu tại Khu vực kinh tế Châu Âu



Nguồn: Investing, ABS Research

- Trong tháng 10/2024, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của EU đã tăng lên 2,0%, từ mức 1,7% trong tháng 9, mức tăng này cao hơn một chút so với kỳ vọng của thị trường là 1,9%. Mức lạm phát hiện tại đã đạt mục tiêu của Ngân hàng Trung ương châu Âu. Khi phân tích các thành phần của lạm phát, lạm phát trong lĩnh vực dịch vụ giữ ổn định ở mức 3.9%, trong khi lạm phát đối với thực phẩm, rượu và thuốc lá đã tăng lên 2,9% từ 2,4% trong tháng trước. Tương tự, hàng hóa của ngành công nghiệp phi năng lượng tăng lên mức 0,5% so với mức 0,4% tháng trước đó. Ngược lại, giá năng lượng tiếp tục giảm, nhưng với tốc độ chậm hơn là -4,6% so với -6,1% trong tháng 9, đây cũng là nguyên nhân chính khiến lạm phát của EU tăng lên.
- Ở chiều hướng khác, chỉ số giá tiêu dùng ở Anh giảm xuống mức 1,7% trong tháng 9, từ mức 2,2% ở tháng trước đó. Đây là tỷ lệ lạm phát thấp nhất kể từ tháng 4 năm 2021 và thấp hơn so với dự báo là 1,9%. Nguyên nhân chính là sự giảm mạnh chi phí vận chuyển, đặc biệt là giá vé máy bay và nhiên liệu đã giảm đáng kể trong tháng 9.

PMI Anh và EU – Đồng thời sụt giảm



Nguồn: Investing, ABS Research

- Chỉ số PMI sản xuất của khu vực Eurozone đạt mức 46 vào tháng 10/2024, tăng từ mức 45 ở tháng trước đó. Mặc dù PMI vẫn dưới 50, thể hiện sự thu hẹp đang diễn ra, nhưng điểm sáng là tốc độ suy giảm chậm hơn trong lĩnh vực sản xuất, mức suy giảm thấp nhất kể từ tháng 5/2024. Chỉ số PMI tháng 10 này đánh dấu tháng thứ hai mươi tám liên tiếp của sự co hẹp, mức suy giảm dài nhất kể từ khi bắt đầu ghi chép vào năm 1997. Số lượng hàng hóa sản xuất giảm 19 tháng liên tiếp, dẫn đến việc cắt giảm thêm việc làm. Về mặt tích cực, sự suy giảm trong sản lượng, doanh số và việc làm đã chậm lại, mặc dù niềm tin trong việc kinh doanh đã giảm xuống mức thấp nhất trong một năm.
- Chỉ số PMI tháng 10 của Anh giảm xuống mức 49,9 từ mức 51,5 trong tháng 9, đánh dấu lần đầu tiên chỉ số này rơi xuống dưới ngưỡng 50 kể từ tháng 4. Mức giảm này phản ánh sự thu hẹp nhẹ của ngành sản xuất, chủ yếu do lượng đơn hàng mới yếu đi, đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp phải đối mặt với những bất ổn về triển vọng kinh tế và gián đoạn chuỗi cung ứng.



TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest

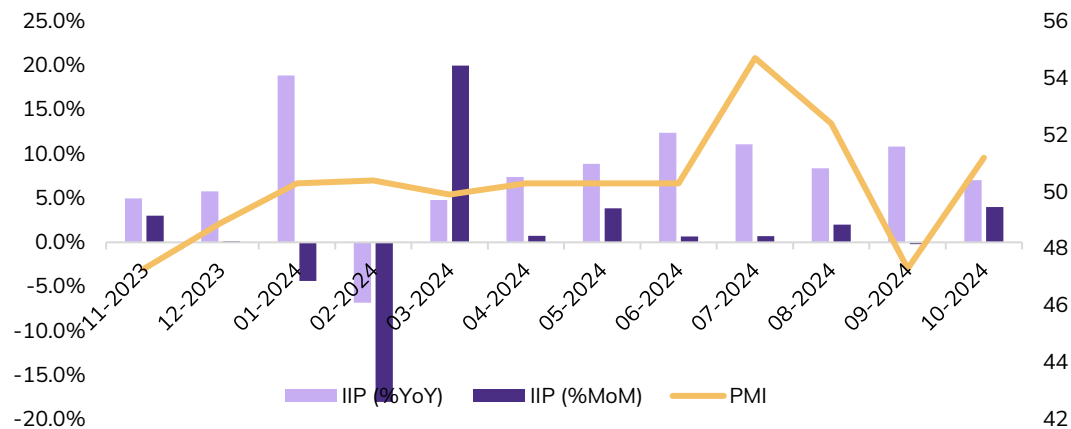


Mở tài khoản để tham gia
room tư vấn của Trung
tâm Tư vấn Đầu tư ABS



Sản xuất công nghiệp tăng trưởng trở lại

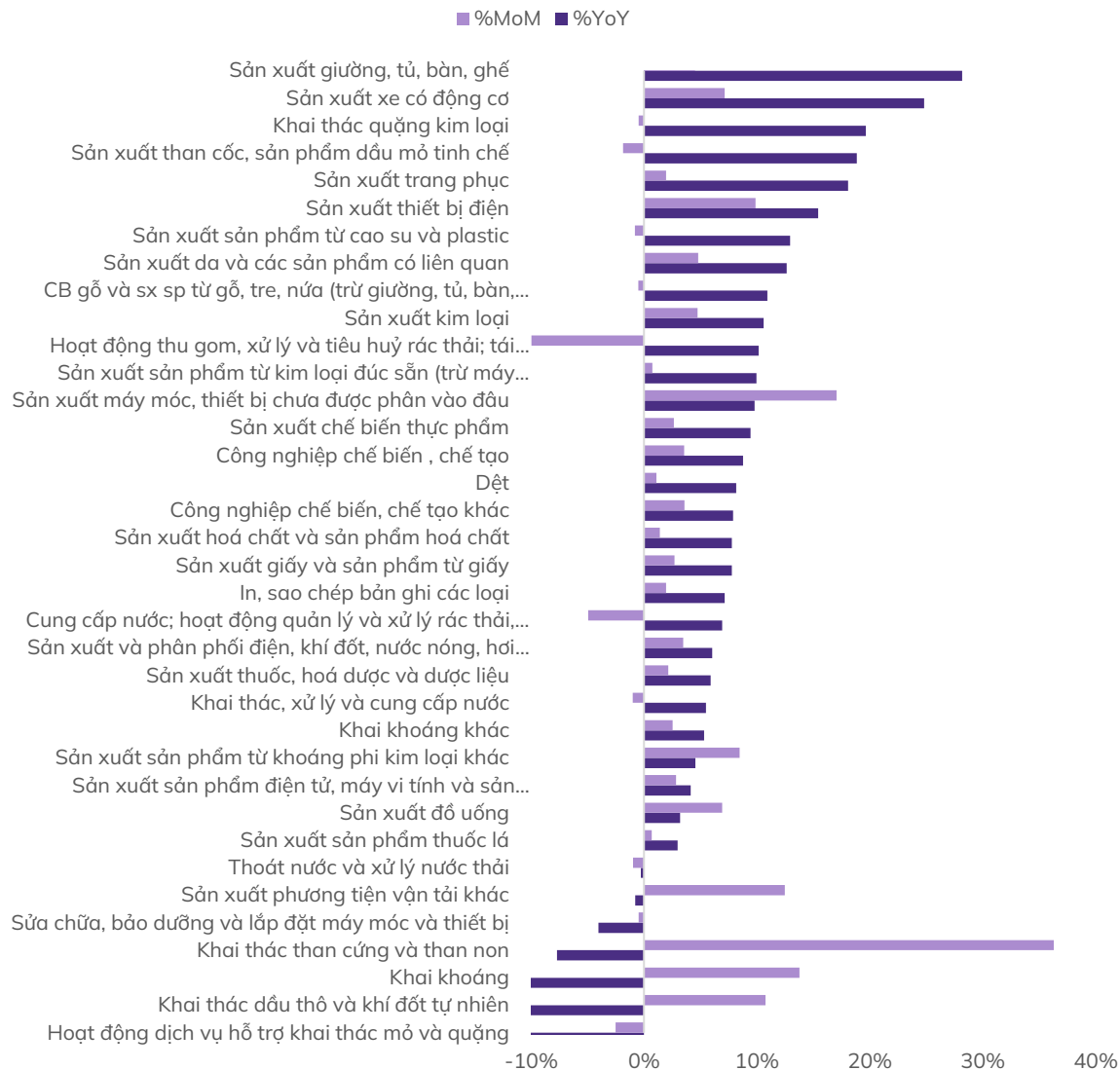
PMI quay trở lại tăng



Nguồn: GSO, S&P Global, ABS Research

- Chỉ số **PMI** của Việt Nam đạt 51,2 điểm, tăng mạnh so với mức 47,3 điểm của tháng 9. Sự cải thiện này cho thấy ngành sản xuất đã hồi phục sau ảnh hưởng từ cơn bão Yagi. Sự tăng trưởng trong sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đóng góp vào kết quả này, mặc dù các hoạt động giao hàng của nhà cung cấp vẫn gặp một số gián đoạn do hậu quả của bão lũ kéo dài sang đến tháng thứ 10. Mức tăng nhẹ của chi phí đầu vào và giá bán đầu ra cũng được ghi nhận, nhưng nhìn chung vẫn trong tầm kiểm soát. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng trong tháng 10 nhưng tốc độ tăng chỉ là nhẹ khi có một số báo cáo cho biết nhu cầu quốc tế giảm. Tháng 10 đánh dấu lần thứ sáu trong bảy tháng qua mà PMI của Việt Nam ở mức trên 50 điểm, cho thấy nền sản xuất đang dần ổn định và cải thiện.
- Chỉ số IIP** của Việt Nam trong tháng 10 đã tăng 7% so với cùng kỳ năm trước, nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, cùng với ngành sản xuất và phân phối điện và ngành cung cấp nước. Cụ thể, ngành chế biến, chế tạo tăng 8,8%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6% và ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,9%. Ở chiều ngược lại, ngành khai khoáng lại giảm 7,2%. Tính chung cho 10 tháng đầu năm, IIP tăng 8,3% so với cùng kỳ 2023

Thống kê tăng trưởng sản xuất công nghiệp theo nhóm ngành (10/2024)



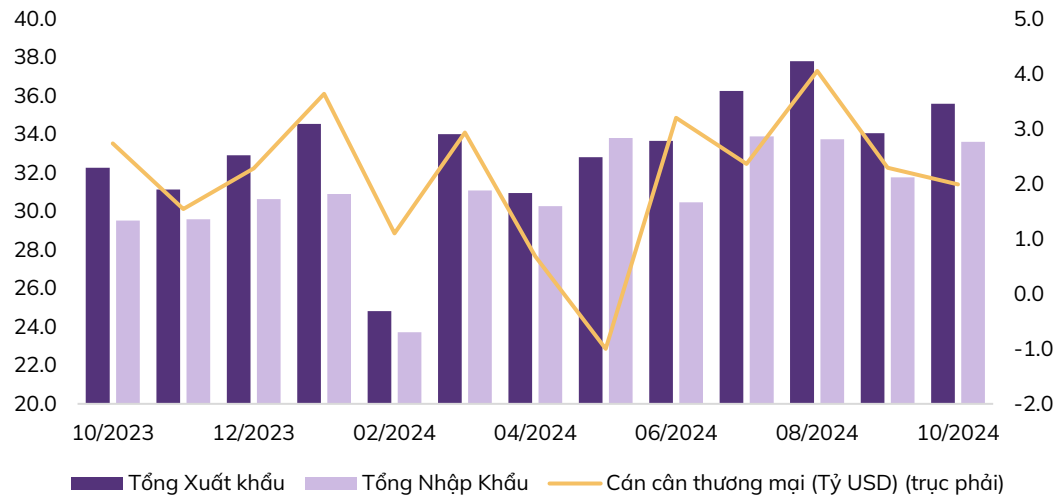
Nguồn: GSO, ABS Research

• Xuất nhập khẩu tiếp tục mạnh mẽ

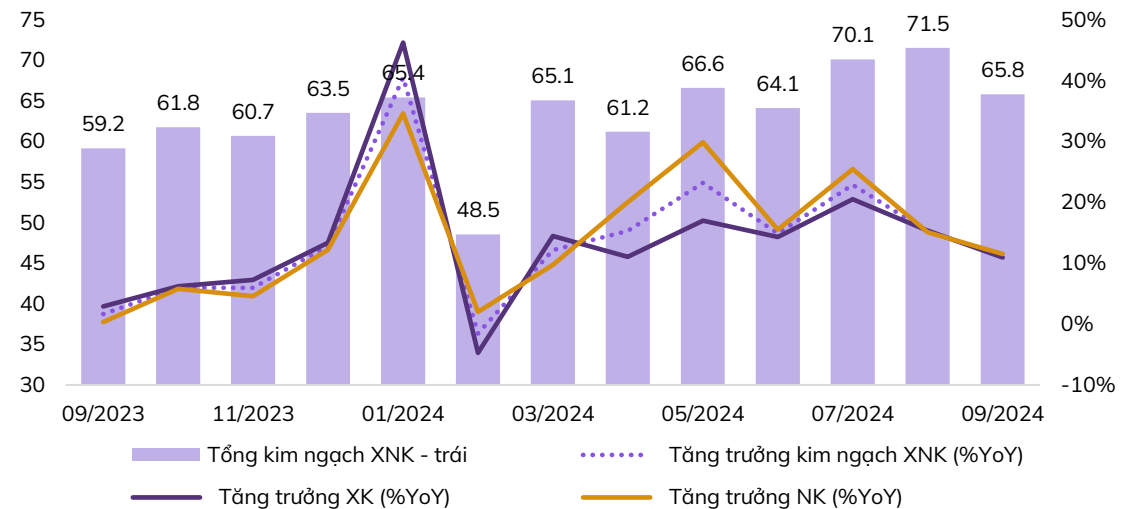
- **Xuất – nhập khẩu:** Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 10/2024, ước đạt 69,19 tỷ USD, tăng 5,1% so với tháng trước và tăng 11,8% svck.
- Kim ngạch xuất khẩu sơ bộ đạt 35,59 tỷ USD, tăng 4,4% so với tháng trước và tăng 10,1% svck. Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 25,29 tỷ USD, tăng 8.08% svck. Nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 33,6 tỷ USD, tăng 5,8% so với tháng trước và tăng 13.6% svck. Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 10,7% svck.
- Cán cân thương mại tháng 10/2024 ước tính xuất siêu 1,99 tỷ USD.
- Tính chung 10 tháng đầu 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 335,59 tỷ USD, tăng 14,9% svck trong khi kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 312,28 tỷ USD, tăng 16,8% svck. Cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 23,31 tỷ USD.

- Trong 10 tháng năm 2024, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 98,4 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 117,7 tỷ USD.
- Trong 10 tháng năm 2024, có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,6% tổng kim ngạch xuất khẩu và có 7 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66,5%. Trong đó, đồ điện tử, máy tính và linh kiện đạt 58.6 tỷ USD, tăng 26,1% svck, điện thoại và linh kiện đạt 46,47 tỷ USD, tăng 4,9% svck, máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác đạt 43,05 tỷ USD tăng 21,5% svck. Về nhập khẩu, có 42 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 92,1% tổng kim ngạch nhập khẩu và có 4 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 48,3%. Các mặt hàng nhập khẩu nhiều nhất gồm điện tử, máy tính và linh kiện (+23,7% svck), máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (+17% svck), vải (+14,7% svck) và sắt thép (+23,2 svck).

Xuất siêu 1.99 tỷ USD trong tháng 10 (Đvt: Tỷ USD, %YoY)



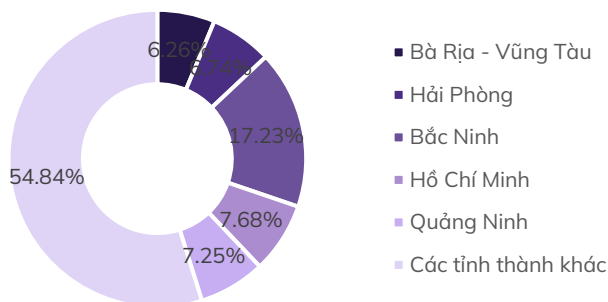
Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu duy trì tích cực (Đvt: Tỷ USD, %YoY)



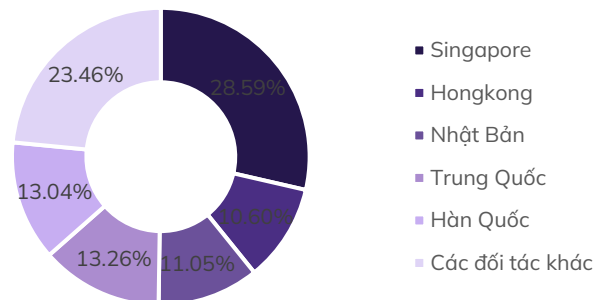
• Dòng vốn FDI tiếp tục tăng trưởng ổn định

- Tính đến hết tháng 10 năm 2024, tổng vốn đăng ký mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 27,26 tỷ USD, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2023. Cụ thể, Có 2.743 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (tăng 1,4% so với cùng kỳ), tổng vốn đăng ký đạt gần 12,23 tỷ USD (giảm 2,5% so với cùng kỳ). Có 1.151 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư (tăng 6% so với cùng kỳ), tổng vốn đăng ký tăng thêm đạt gần 8,35 tỷ USD (tăng 41,7% so với cùng kỳ). Ngược lại với vốn đăng ký mới và điều chỉnh, số lượng giao dịch và tổng giá trị vốn góp, mua cổ phần giảm lần lượt 10.4% và 29% so với cùng kỳ. Về vốn thực hiện, lũy kế 10 tháng, vốn giải ngân đạt khoảng hơn 19.58 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2023.
- Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt gần 17,1 tỷ USD, chiếm gần 62,6% tổng vốn đầu tư đăng ký, giảm 13,5% so với cùng kỳ. Ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư gần 5,23 tỷ USD, chiếm gần 19,2% tổng vốn đầu tư đăng ký, gấp 2,38 lần cùng kỳ.
- Về đối tác đầu tư, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư hơn 7,79 tỷ USD, chiếm gần 28,6% tổng vốn đầu tư, tăng 61,3% so với cùng kỳ 2023. Trung Quốc đứng thứ hai với hơn 3,61 tỷ USD, chiếm 13,3% tổng vốn đầu tư, tăng 5,4% so với cùng kỳ. Tiếp theo là Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông,...
- Theo địa bàn đầu tư, Bắc Ninh dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 4,7 tỷ USD, chiếm 17,2% tổng vốn đầu tư cả nước, gấp 3,15 lần cùng kỳ. Tiếp theo là TP Hồ Chí Minh với gần 2,1 tỷ USD, chiếm 7,7% tổng vốn đầu tư đăng ký, giảm 12,7% so với cùng kỳ. Tiếp theo lần lượt là Quảng Ninh, Hải Phòng,...

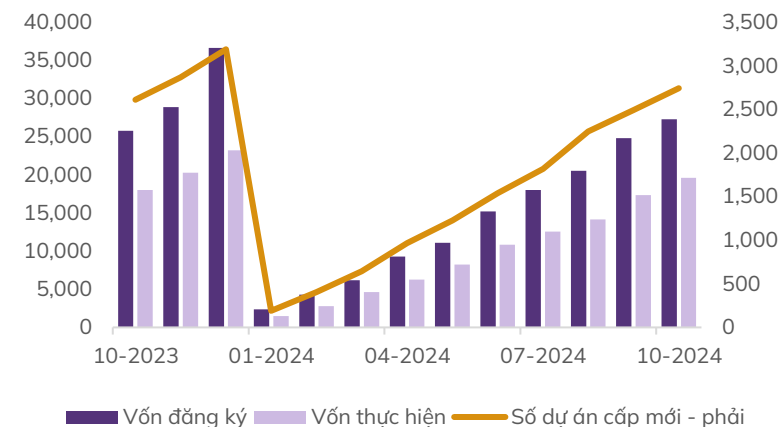
Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo địa phương



Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo đối tác



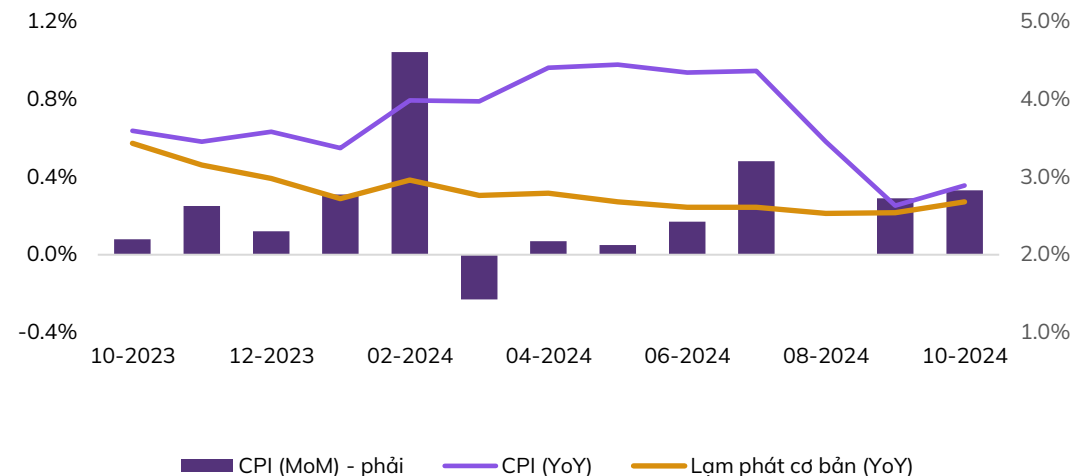
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Đvt: Tỷ USD)



CPI tiếp tục hạ nhiệt

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2024 tăng 2.89% so với cùng kỳ năm 2023, tăng 0,33% so với tháng trước.
- Trong mức tăng 0,33% của CPI tháng 9/2024 so với tháng trước, có 10 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, chỉ riêng nhóm bưu chính, viễn thông giảm giá, với mức giảm 0,05%. Nhóm giao thông tăng mạnh nhất, ở mức 0,66%, tác động làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm, nguyên nhân chủ yếu là giá dầu diezen tăng 2,27%; giá xăng trong nước tăng 0,98% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng. Theo sau đó là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,55%; nhóm giáo dục tăng 0,48%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,26%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,2%....
- CPI bình quân mười tháng năm 2024 tăng 3,78% so với bình quân cùng kỳ năm 2023. ABS nhận định, nếu không có gì bất ngờ xảy ra, khả năng năm nay, lạm phát tiếp tục đạt mục tiêu kiểm soát trong giới hạn 4-4,5%.

CPI và lạm phát cơ bản các tháng



Nguồn: GSO, ABS Research

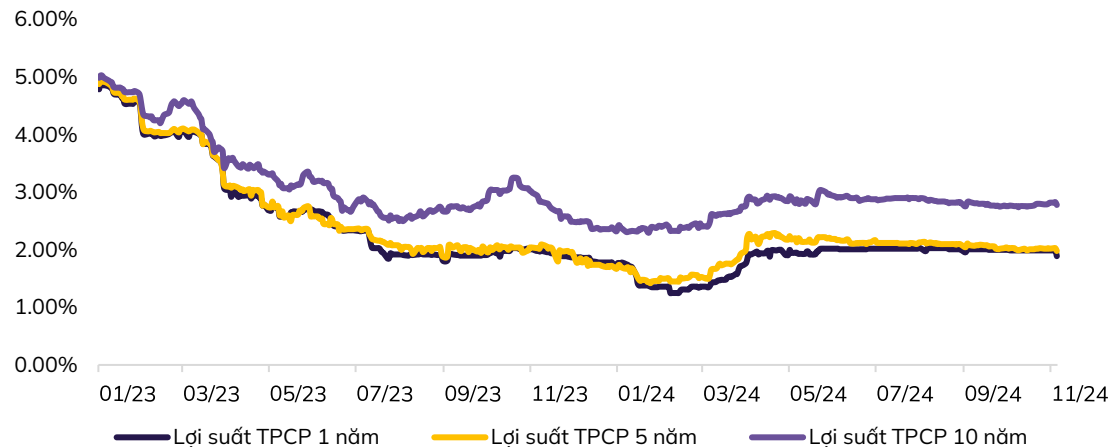
Thống kê giỏ hàng hóa tiêu dùng các tháng

Giỏ hàng hóa tiêu dùng	10-2023	11-2023	12-2023	01-2024	02-2024	03-2024	04-2024	05-2024	06-2024	07-2024	08-2024	09-2024	10-2024
CPI (YoY)	3.59%	3.45%	3.58%	3.37%	3.98%	3.97%	4.40%	4.44%	4.34%	4.36%	3.45%	2.63%	2.89%
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	2.81%	2.98%	2.93%	2.31%	4.23%	4.05%	4.32%	4.47%	4.66%	4.27%	3.74%	3.94%	4.45%
Lương thực	11.34%	13.24%	14.66%	15.63%	17.36%	16.54%	15.45%	14.83%	14.78%	14.39%	10.97%	8.37%	8.23%
Thực phẩm	0.93%	0.91%	0.70%	-0.34%	2.14%	1.94%	2.49%	2.87%	3.23%	2.75%	2.55%	3.24%	4.06%
Ăn uống ngoài gia đình	4.00%	3.97%	3.77%	3.60%	4.20%	4.29%	4.37%	4.25%	4.09%	3.94%	3.72%	3.84%	3.81%
Đồ uống và thuốc lá	2.84%	2.77%	2.46%	1.70%	2.64%	2.63%	2.60%	2.61%	2.63%	2.52%	2.39%	2.30%	2.26%
May mặc và giày dép	1.97%	1.95%	1.80%	1.39%	1.64%	1.60%	1.80%	1.70%	1.48%	1.34%	1.20%	1.17%	1.13%
Nhà ở và VLXD	6.88%	5.91%	5.67%	6.39%	4.95%	4.87%	5.97%	5.30%	5.60%	5.59%	5.00%	4.37%	4.21%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	1.70%	1.50%	1.37%	1.14%	1.31%	1.18%	1.37%	1.33%	1.23%	1.15%	1.14%	1.17%	1.33%
Thuốc và dịch vụ y tế	0.54%	3.39%	5.53%	6.52%	6.52%	6.48%	7.44%	7.41%	8.04%	8.13%	8.30%	8.28%	8.28%
Giao thông	3.90%	1.63%	2.57%	1.58%	2.55%	2.68%	4.24%	5.58%	3.03%	4.40%	-1.46%	-5.33%	-3.25%
Bưu chính viễn thông	-1.34%	-1.42%	-1.36%	-1.41%	-1.48%	-1.47%	-1.50%	-1.42%	-1.18%	-1.06%	-0.74%	-0.42%	-0.37%
Giáo dục	7.14%	8.23%	8.36%	8.39%	8.55%	10.12%	8.31%	8.14%	8.01%	8.00%	7.13%	1.21%	-0.54%
Văn hóa, giải trí và du lịch	1.34%	1.21%	1.22%	0.90%	1.71%	1.45%	1.94%	2.01%	2.35%	2.29%	2.32%	2.03%	2.09%
Đồ dùng và dịch vụ khác	5.91%	6.02%	6.11%	5.79%	6.49%	6.32%	6.23%	6.19%	5.97%	6.93%	6.91%	6.98%	7.03%

Nguồn: GSO, ABS Research

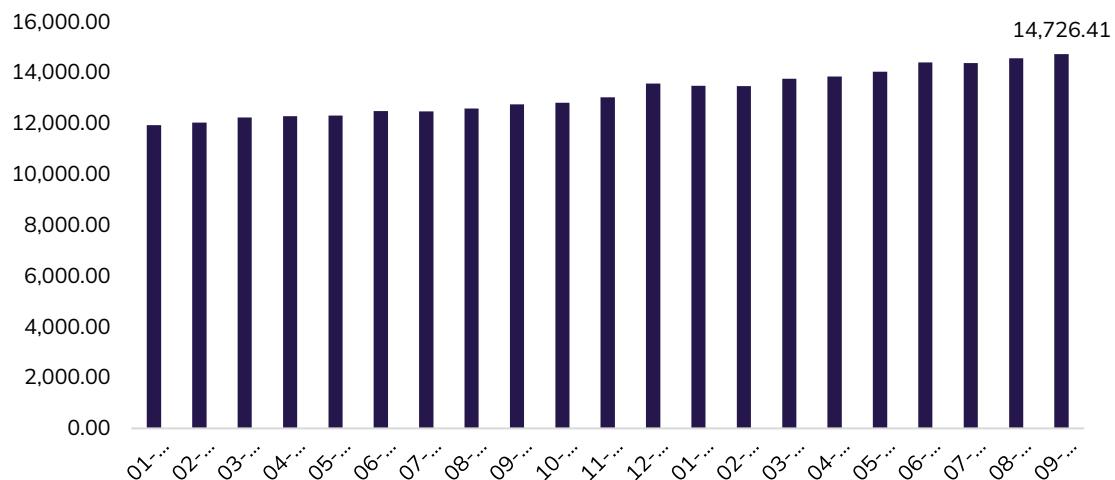
Tín dụng tăng trưởng tích cực

Lợi suất trái phiếu ổn định



Nguồn: FiinPro, ABS Research

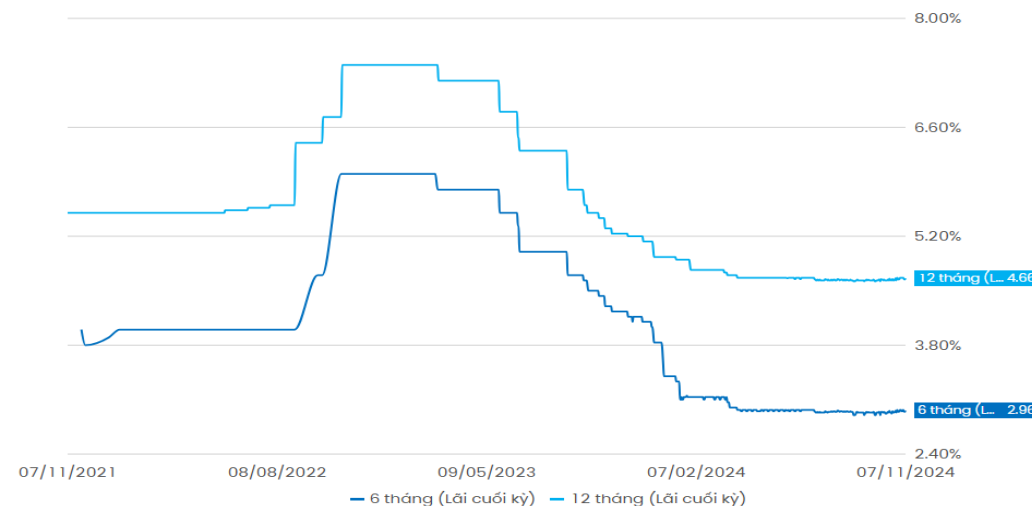
Tổng dư nợ tín dụng (Nghìn tỷ đồng)



Nguồn: NHNN, ABS Research

- Trong tháng 10/2024, lãi suất huy động của các ngân hàng lớn giữ mức ổn định, trong khi đó lãi suất huy động tăng nhẹ tại một số ngân hàng nhỏ và vừa. Lãi suất toàn ngành nhích tăng 0,1-0,2% trong tuần đầu tháng 11 trước nhu cầu gia tăng tín dụng và thanh khoản cho dịp cuối năm.
- Tăng trưởng tín dụng tiếp tục tích cực trong T10. Tính đến cuối tháng 10/2024 tín dụng tăng 10,08% so với đầu năm và tăng 16,65% svck. Việc tăng trưởng tín dụng đã phần nào được thúc đẩy bởi các gói hỗ trợ và các chương trình ưu đãi từ ngân hàng nhằm giảm bớt lãi suất cho vay và hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là sau những ảnh hưởng tiêu cực từ cơn bão Yagi. Tuy nhiên, mức tăng này còn khoảng cách khá xa so với mục tiêu cả năm là tăng trưởng tín dụng 15%.
- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp tích cực ở việc không có thêm TPDN nào chậm trả lãi phát sinh trong tháng 10. Lũy kế 10T/2024, tổng giá trị TPDN chậm trả chỉ ở mức 16,6 nghìn tỷ đồng, giảm mạnh -88% svck.

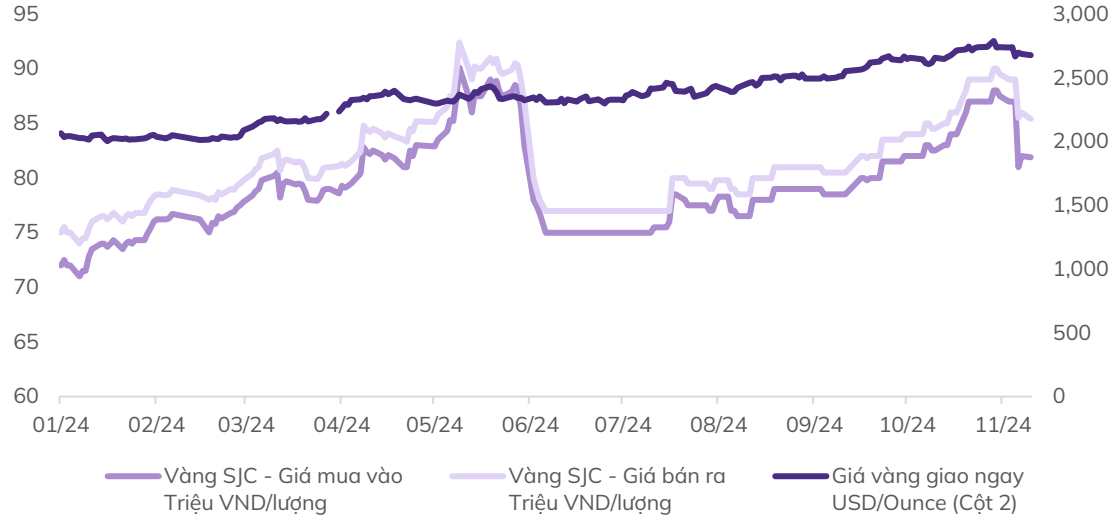
Mặt bằng lãi suất huy động duy trì ở mức thấp



Nguồn: FiinPro, ABS Research

Tỷ giá và giá vàng tăng trở lại

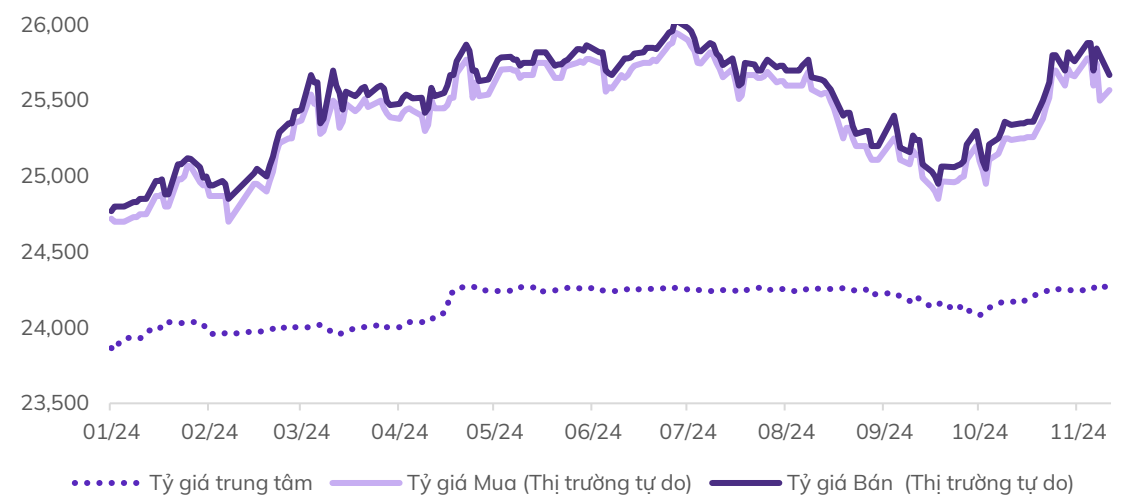
Giá vàng trong nước và thế giới tăng mạnh



Nguồn: FiinPro, ABS Research

- Trong tháng 10/2024, giá vàng thế giới có xu hướng tăng mạnh, đạt kỷ lục vào cuối tháng. Đầu tháng, giá vàng giao ngay dao động quanh vùng 2.680 USD/ounce. Sau đó, do các yếu tố kinh tế và chính trị toàn cầu, đặc biệt là kỳ vọng FED hạ lãi suất nhanh và căng thẳng tại Trung Đông, khiến giá vàng liên tục tăng, có lúc đạt đỉnh 2.802 USD/ounce vào ngày 30/10 – mức cao nhất mọi thời đại, tăng 34,4% so với đầu năm.
- Trong nước, giá vàng cũng ghi nhận xu hướng tăng, bám sát diễn biến của giá vàng thế giới. Giá vàng trong nước mở đầu tháng ở khoảng 81,5 triệu đồng/lượng (mua vào) và 83,5 triệu đồng/lượng (bán ra). Đến cuối tháng, nhờ sự thúc đẩy của tỷ giá USD/VND, cầu vàng trong nước và giá vàng thế giới đạt đỉnh, giá vàng trong nước đã tăng lên mức rất cao khoảng 88 triệu đồng/lượng (mua vào) và 90 triệu đồng/lượng (bán ra) vào ngày 30/10.

Tỷ giá USD/VND “nóng” trở lại trong tháng 10



Nguồn: Fiinpro, ABS Research

- Ngày 31/10/2024, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố tỷ giá trung tâm VND/USD ở mức 24.243 VND/USD, tăng mạnh 162 đồng so với thời điểm đầu tháng 10 và tăng 377 đồng so với đầu năm 2024. Cùng với xu hướng tăng của tỷ giá trung tâm, tỷ giá USD trên thị trường tự do bật tăng lên mức 25.760 VND/USD, tăng +2.22% so với đầu tháng 10, qua đó tiền đồng mất giá gần 4% so với đầu năm.
- Với tình hình tỷ giá căng thẳng như vậy NHNN đã có những động thái can thiệp: (i) ngày 24/10, NHNN đã thông báo phương án bán ngoại tệ can thiệp với hình thức giao ngay tại mức giá 25.450 đồng, (ii) ngày 18/10, NHNN thông báo phát hành tín phiếu sau gần 2 tháng tạm dừng nhằm hút thanh khoản dư thừa trong hệ thống.
- Chúng tôi kỳ vọng tỷ giá sẽ hạ nhiệt vào cuối năm nhờ các yếu tố sau: (i) NHNN đã mạnh tay can thiệp tỷ giá (ii), FED sẽ tiếp tục hạ lãi suất vào tháng 11 tới đây, (iii) thặng dư thương mại, dòng vốn FDI và kiều hối vẫn duy trì ổn định, (iv) xu hướng đầu cơ tiền kỹ thuật số sẽ hạ nhiệt.

Một số thông tin và chính sách nổi bật tháng 10

Ngày	Nội dung	Tác động kỳ vọng
11/10/2024	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) công bố giá bán lẻ điện bình quân tăng từ mức 2.006,79 đồng/kWh lên mức 2.103,1159 đồng/kWh (chưa bao gồm VAT), tương đương mức tăng 4,8% từ ngày 11/10.	Tác động của việc tăng giá điện lên kinh tế được dự báo sẽ ảnh hưởng mạnh nhất tới các ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều điện, chẳng hạn như sản xuất và chế biến. Về mặt xã hội, các hộ gia đình có thu nhập thấp được cho là ít bị ảnh hưởng do vẫn hưởng mức giá điện ưu đãi ở các bậc tiêu thụ thấp.
22/10/2024	Tại phiên họp thứ 8 của Quốc hội khóa XV, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã trình bày báo cáo về tiến độ thực hiện ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2024 và kế hoạch phân bổ NSNN năm 2025. Trong đó, nổi bật nhất là chỉ cho đầu tư phát triển năm 2025 được điều chỉnh tăng thêm 30% so với dự toán trước và các chỉ tiêu về nợ công năm 2024 và 2025 vẫn thấp hơn mức trần do Quốc hội đặt ra là 60%.	Chúng tôi nhận định rằng việc tăng cường chi tiêu tài khóa có khả năng tiếp tục là động lực hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong năm 2025. Bên cạnh đó, với mức nợ công hiện tại vẫn thấp hơn đáng kể so với ngưỡng 60% GDP do Quốc hội quy định, chính phủ vẫn có nhiều dư địa để mở rộng chính sách tài khóa một cách mạnh mẽ hơn.
22/10/2024	Việt Nam đặt kế hoạch kinh tế đầy tham vọng cho năm 2025 và giai đoạn 2026-2030. Trong đó có 1 số điểm chính là mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 đặt ra ở mức 6,5%-7,0%, cao hơn so với mục tiêu đặt ra của năm 2024, 14/15 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chính có thể đạt và vượt kế hoạch trong năm 2024 và tăng trưởng GDP bình quân được đặt ra ở mức 7,5%-8,5% trong giai đoạn 2026-2030	Kế hoạch phát triển này có thể tạo ra một sự thay đổi đáng kể cho nền kinh tế Việt Nam nếu được thực hiện hiệu quả, đồng thời góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.
24/10/2024	Ngân hàng Nhà nước thông báo phương án bán USD can thiệp	Nhằm hạ nhiệt tỷ giá và ổn định tâm lý trong bối cảnh tỷ giá USD/VND tăng mạnh trong những tuần gần đây.
29/10/2024	Trong chuyến thăm chính thức Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE), Việt Nam và UAE đã chính thức nâng cấp quan hệ hai nước lên Đối tác toàn diện. UAE là nước thiết lập quan hệ đối tác toàn diện đầu tiên với Việt Nam tại Trung Đông.	Kỳ vọng sẽ thúc đẩy hợp tác giữa Việt Nam và UAE trên nhiều phương diện bao gồm chính trị, ngoại giao, an ninh, quốc phòng, pháp luật và tư pháp cũng như trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, nông nghiệp, đầu tư, ngành công nghiệp Halal, văn hóa, du lịch, năng lượng, khoa học, công nghệ và hợp tác đổi mới sáng tạo.
02/11/2024	Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.của Bộ Tài chính chính thức có hiệu lực từ ngày 2/11,	Những thay đổi này không chỉ hỗ trợ quá trình thu hút vốn đầu tư mà còn là bước tiến quan trọng để thị trường chứng khoán Việt Nam đạt tiêu chí nâng hạng vào năm 2025, dự kiến có thể mang lại dòng vốn quốc tế đáng kể, lên đến vài tỷ USD từ các quỹ đầu tư quốc tế.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

VƯỢT KHÁNG CỰ THẤT BẠI



Trải nghiệm ngay ứng
dụng ABS invest



Tham gia room tư vấn miễn
phí trên Zalo của ABS



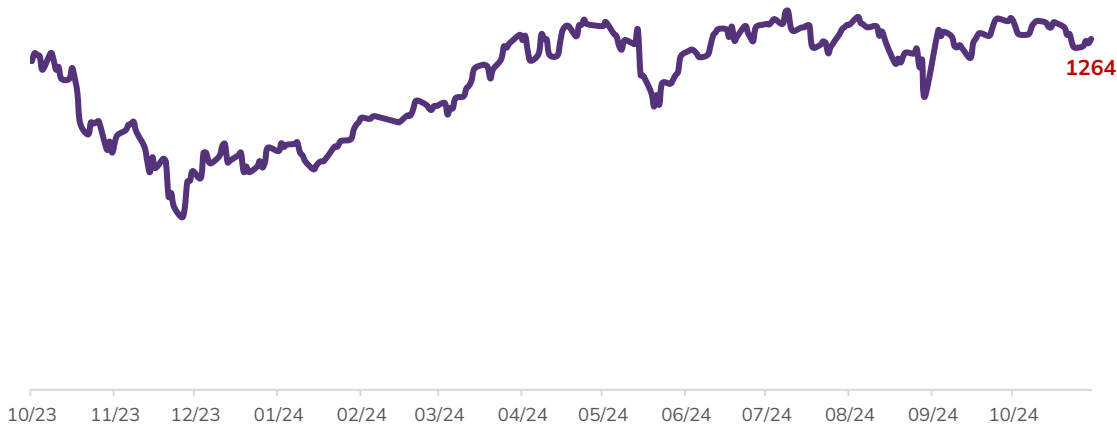
Tổng quan TTCK tháng 10/2024

- Mở đầu tháng 10/2024, TTCK Việt Nam chạm mốc 1300 nhưng vẫn tiếp tục thất bại trong việc chinh phục “ngưỡng tâm lý” cứng này. Sau đó, thị trường dần mất đà tăng, thường xuyên giằng co quanh các mốc hỗ trợ quan trọng, trong đó có ngưỡng 1,270 điểm, trước khi giảm xuống sát 1,250 điểm với áp lực bán mạnh mẽ trở lại từ khối ngoại. Thanh khoản trên thị trường cũng ghi nhận xu hướng giảm, đạt mức thấp nhất kể từ tháng 3/2024 với trung bình GTGD/phiên chỉ đạt 16.047 tỷ đồng. VN-Index kết thúc tháng tại mốc 1264, giảm 1,82% so với tháng trước.
- TTCK toàn cầu nhuộm sắc đỏ trước thêm bầu cử Mỹ. Chỉ số của các sàn chứng khoán lớn như S&P500 và Dow Jones giảm lần lượt 1% và 1,3% so với tháng trước. Trong tháng 10, TTCK Trung Quốc trải qua biến động mạnh mẽ, phản ánh kỳ vọng từ các biện pháp kích thích kinh tế. Tuy nhiên, chỉ số chứng khoán Thượng Hải đã đánh mất đà tăng vào cuối tháng do các yếu tố rủi ro tái cấu trúc và triển vọng trung hạn của nước này chưa như kỳ vọng.

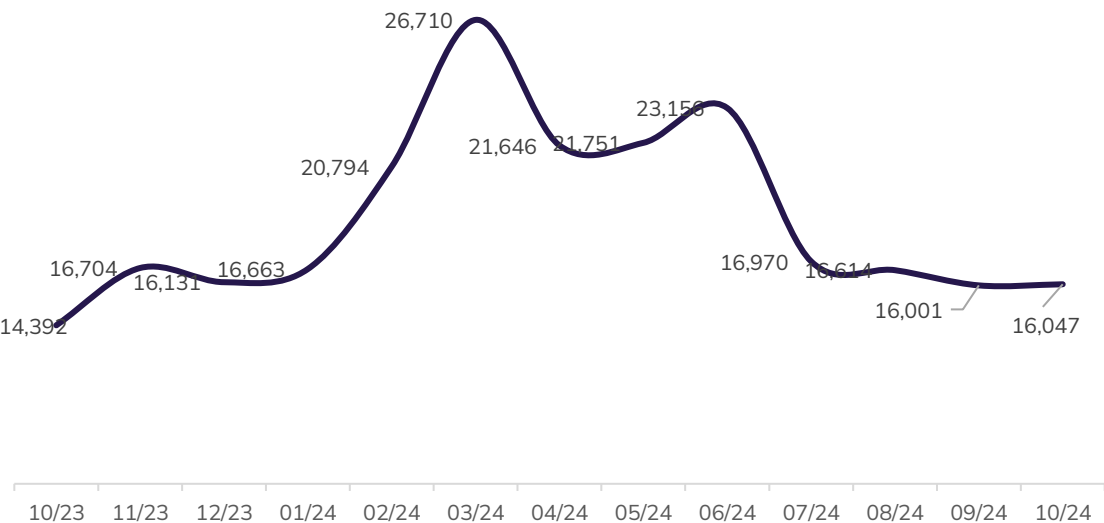
Biến động chỉ số một số TTCK trên thế giới

	% thay đổi 1M	% thay đổi 3M	% thay đổi 6M	% thay đổi 12M
VNINDEX	-1,8%	-1,2%	-1,5%	12,0%
Dow Jones	-1,3%	2,3%	10,4%	9,5%
Nasdaq	-0,5%	3,1%	15,6%	19,3%
S&P 500	-1,0%	3,3%	13,3%	17,7%
Shanghai	-1,9%	11,6%	5,4%	17,3%
DAX	-1,3%	3,1%	6,4%	12,9%
Nikkei 225	0,2%	-0,2%	-1,0%	4,7%
SET	0,9%	10,0%	6,9%	7,1%
FTSE 100	-1,5%	-3,1%	-0,4%	6,3%

Diễn biến điểm số VNIndex trong 01 năm trở lại



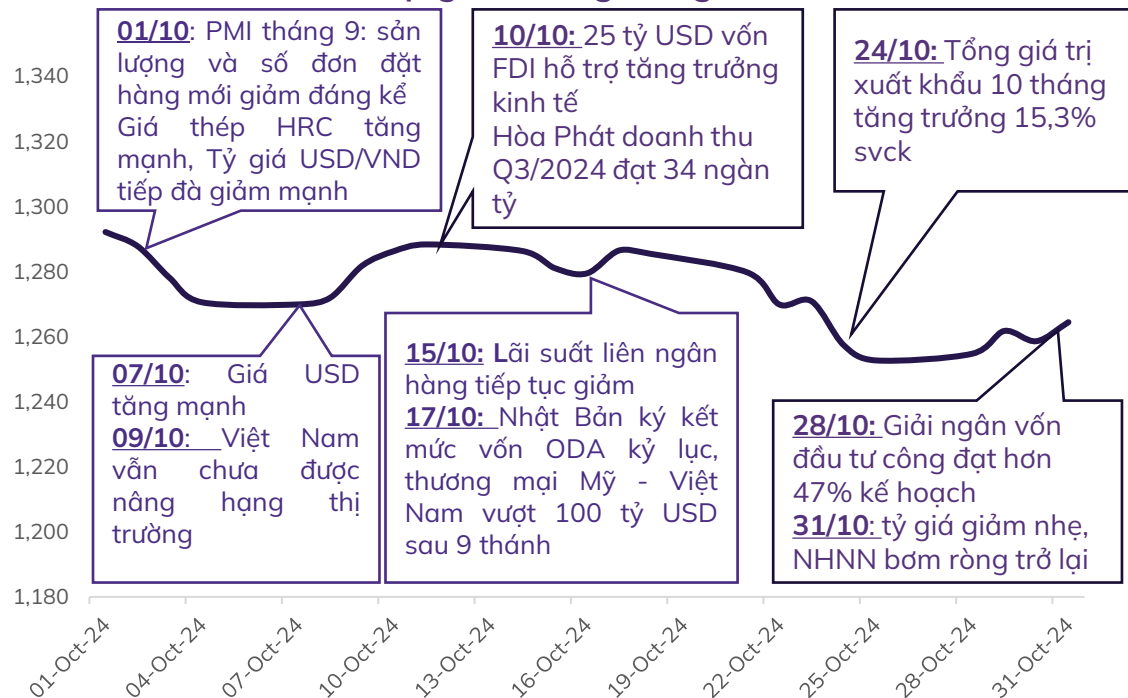
Trung bình GTGD/phiên của VNIndex trong 01 năm trở lại



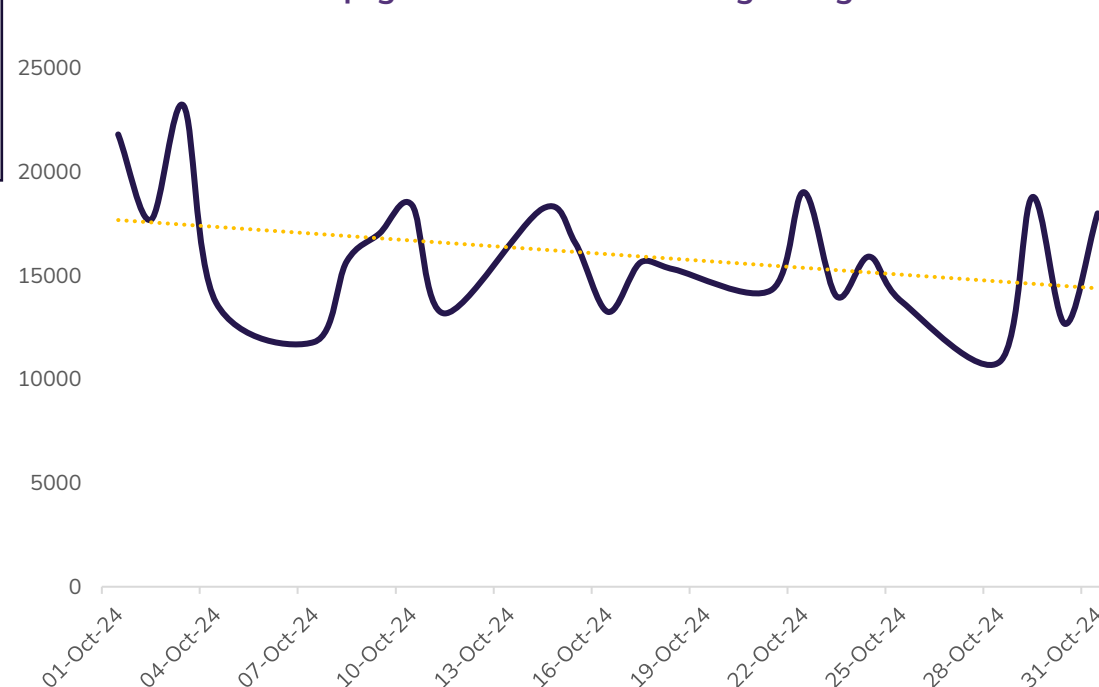
► Điểm lại một số phiên của VN-Index trong tháng 10

Tâm điểm tháng 10: Thanh khoản thấp nhất trong vòng 6 tháng, thị trường ảm đạm. Mặc cho những kỳ vọng tăng trưởng từ tháng trước, VN-Index khởi động tháng 10 không mấy thành công khi liên tục bị “từ chối” bởi mốc 1.300. Áp lực bán gia tăng mạnh, đặc biệt tại các mã vốn hóa lớn khiến chỉ số giảm điểm đáng kể ngay sau đó về mốc 1270 vào ngày 7/10. Sau cú giảm này, thanh khoản thị trường giảm sút rõ rệt, chỉ còn khoảng một nửa so với đầu tháng, cho thấy tâm lý nhà đầu tư chuyển dần từ lạc quan sang thận trọng. VN-Index có các nỗ lực tăng điểm trong các phiên giữa tháng nhưng động lực tăng trưởng suy giảm rõ rệt khi dòng tiền không đủ mạnh. Thanh khoản không cải thiện đáng kể, phản ánh tâm lý dè dặt bao trùm trong bối cảnh nhiều yếu tố kinh tế và chính trị vẫn còn bất ổn. Mặc dù kết quả kinh doanh Q3/2024 tương đối tích cực, chỉ số VN-Index cũng không có dấu hiệu phục hồi khi đánh mất mốc 1.270 ngày 24/10. Tại các phiên cuối tháng, một số cổ phiếu ngành thực phẩm và dầu khí có sự hồi phục nhẹ, giúp giảm áp lực lên chỉ số, nhưng không đủ để tạo ra sự đảo chiều mạnh mẽ. VN-Index đóng cửa tháng 10 tại mốc 1.264 điểm, giảm 1,8% so với tháng trước. Tâm lý thị trường vẫn còn yếu, và phần lớn nhà đầu tư đang chờ đợi các tín hiệu tiếp theo, đặc biệt trước thềm bầu cử tổng thống nước Mỹ chính thức diễn ra vào ngày 5/11 giờ Mỹ.

Biến động VNI trong tháng 10/24

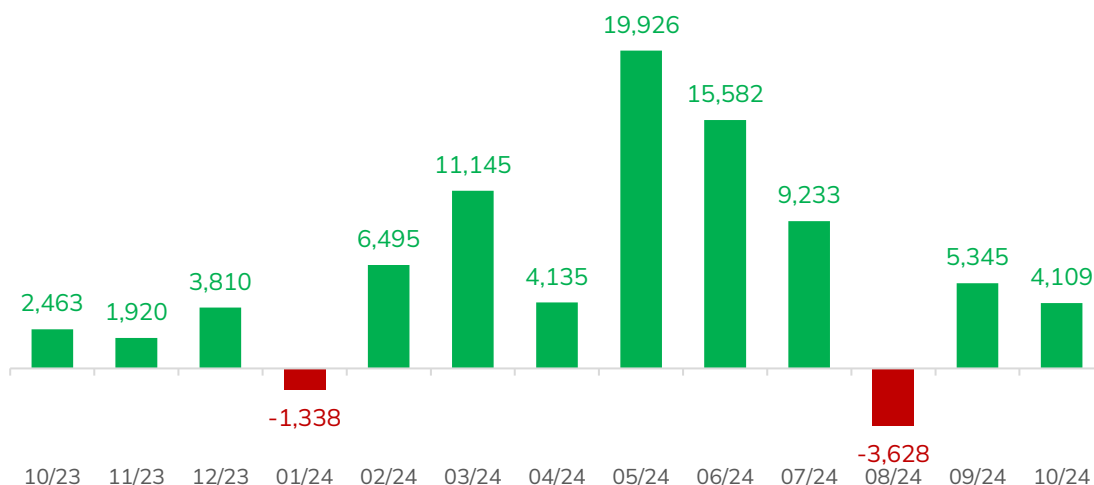


Biến động thanh khoản VNI trong tháng 10



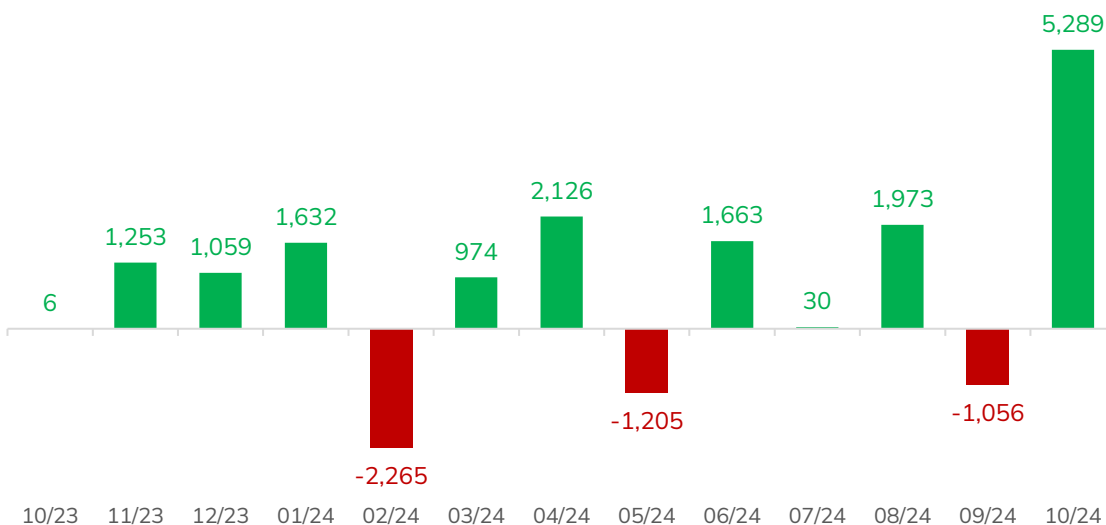
➤ Hành động của NĐT trong tháng 10

Lực cầu từ NĐT cá nhân giảm nhẹ

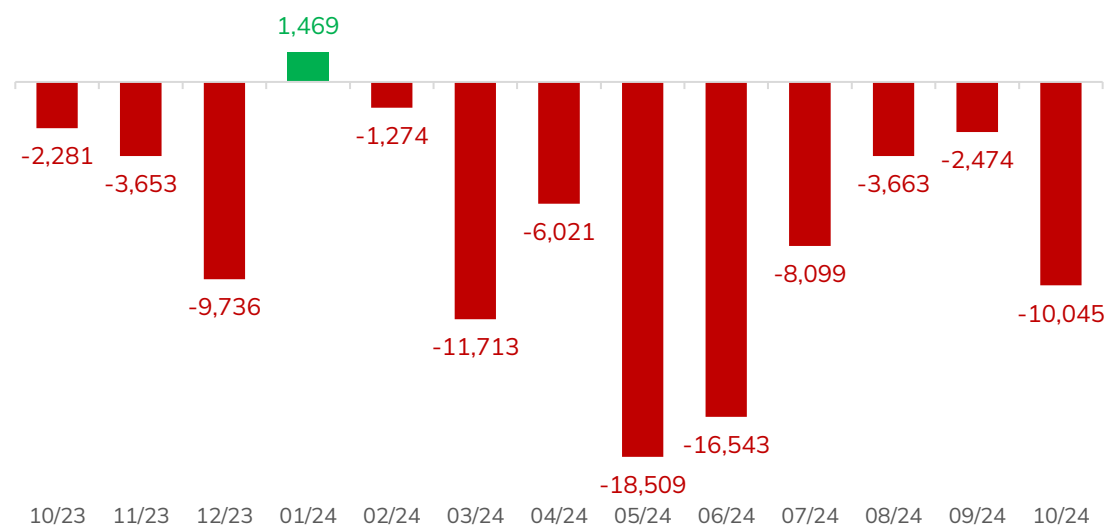


- **Lực cầu từ NĐT cá nhân suy giảm** Lực mua ròng từ NĐT đạt 4.109 tỷ đồng (-23% so với tháng trước). Top mua ròng từ NĐT cá nhân là VIB (4.218 tỷ), MSN (1.215 tỷ), top bán ròng là VHM (-2.513 tỷ), EIB (-1.087 tỷ), VPB (-944 tỷ), HPG (-510 tỷ).
- **Áp lực bán ròng trong tháng đè nặng bởi khối ngoại.** Tổng giá trị bán ròng tại 3 sàn đạt hơn 10 nghìn tỷ đồng, gấp 4 lần so với tháng trước. Top bán ròng của nước ngoài gồm các mã: VHM (-1.042 tỷ), VIB (-5.401 tỷ), MSN (-1.440 tỷ), HDB (-675 tỷ). Top mua ròng của nhóm này bao gồm: TCB (1.144 tỷ), VPB (498 tỷ), NTL (281 tỷ).
- **Tự doanh mua ròng tại hầu hết các nhóm ngành,** với tổng giá trị mua trong tháng 10 đạt 5.289 tỷ đồng, cao nhất trong vòng 1 năm. Top các mã cổ phiếu được tự doanh mua ròng bao gồm: EIB (536 tỷ), VIB (457 tỷ), MWG (381 tỷ), BWE (239 tỷ), HAH (213 tỷ), VPB (220 tỷ).

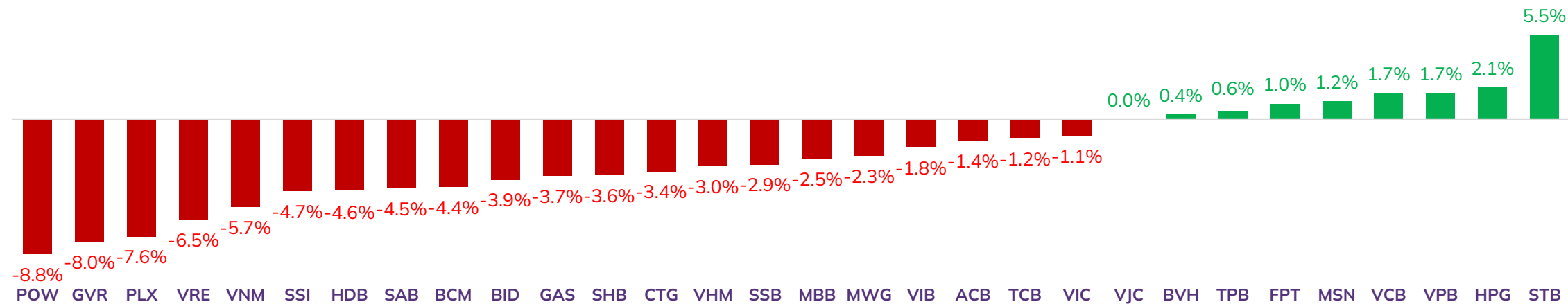
Nhóm tự doanh mua ròng mạnh mẽ



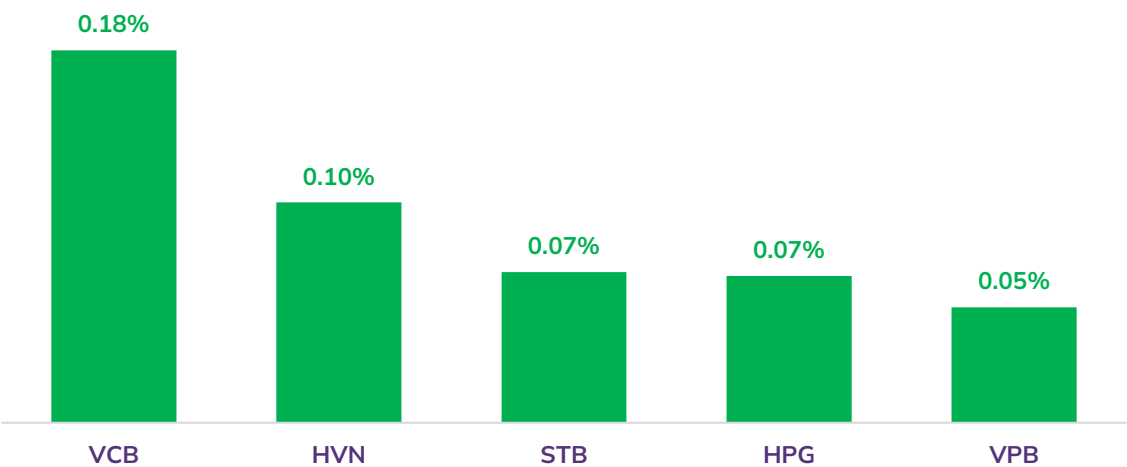
Khối ngoại quay trở bán ròng quyết liệt



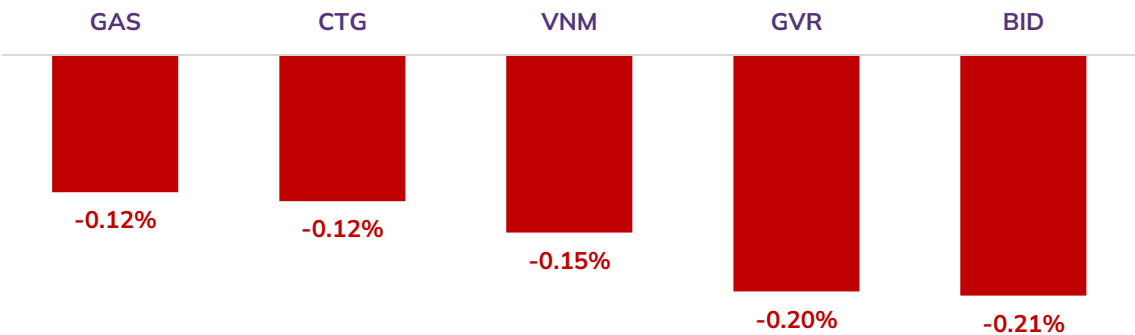
Biến động giá cổ phiếu trong nhóm VN30



Top 5 cổ phiếu ảnh hưởng tích cực đến VNI



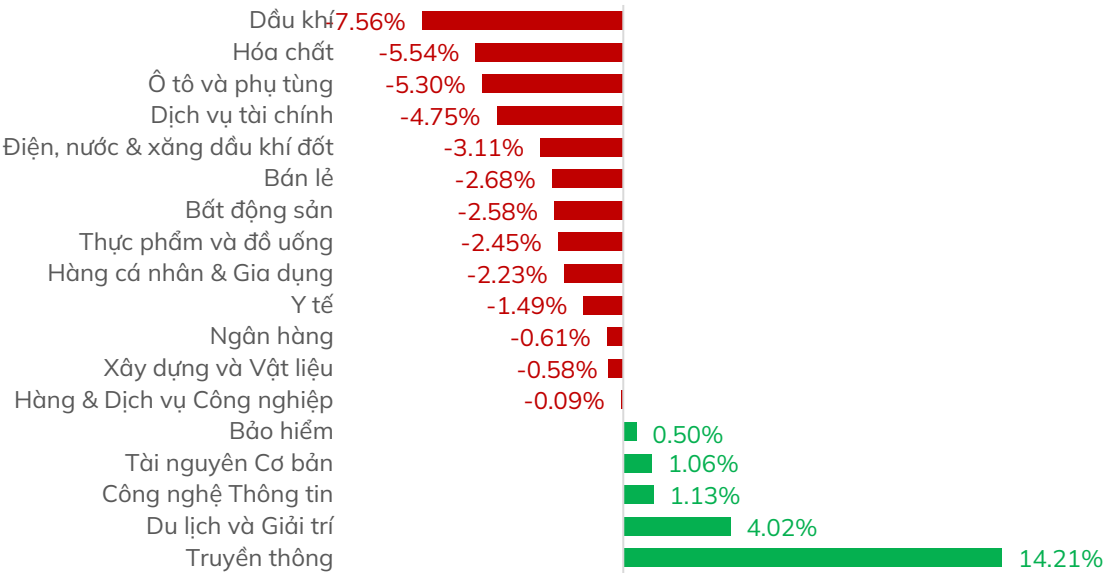
Top 5 cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực đến VNI



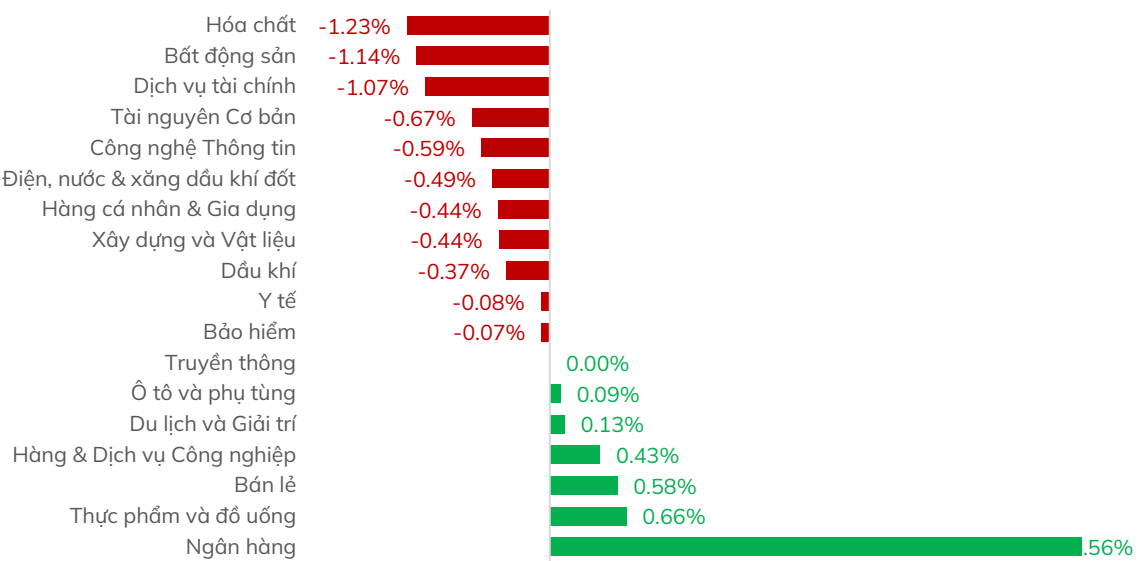
Chuyển động nhóm ngành và câu chuyện đầu tư

- Với áp lực bán ròng mạnh, hầu hết các nhóm ngành đều giảm giá. Trong đó nhóm Dầu khí và Hóa chất là hai nhóm giảm mạnh nhất, lần lượt là -7,56% và -5,54% khi diễn biến giá dầu biến động theo chiều hướng suy giảm do (1) các yếu tố bất ổn địa chính trị và (2) tình trạng cung vượt cầu khi nhu cầu suy yếu tại Trung Quốc.
- Diễn biến dòng tiền đối với các nhóm ngành cũng có nhiều biến động khi dòng tiền rút ra khỏi các nhóm như Hóa chất (-1,23% svck) và Bất động sản (-1,14% svck). Dòng tiền chảy về các nhóm ngành có kết quả kinh doanh Q3/2024 tích cực, tiêu biểu bao gồm:
 - Nhóm Ngân hàng tiếp tục dẫn đầu tăng trưởng tỷ trọng dòng tiền (+4,56% svck):** KQKD Q3/2024 của hầu hết các ngân hàng ghi nhận tích cực, tiêu biểu LNST lũy kế 9 tháng của LPB tăng 139% svck, EIB tăng 43,5% svck, VPB tăng 39% svck. Đến cuối năm 2024, ngành ngân hàng tiếp tục được kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận ổn định nhờ sự phục hồi của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và giảm tốc trích lập dự phòng.
 - Nhóm Thực phẩm và đồ uống (+0,66% svck) và Bán lẻ (+0,58% svck) với KQKD Q3/2024 tích cực.** Mã cổ phiếu của nhóm Thực phẩm là MSN được cá nhân trong nước mua ròng 1.215 tỷ đồng khi KQKD Q3 ghi nhận lãi 701 tỷ đồng, hoàn thành 130% kế hoạch lợi nhuận năm. Nhóm Bán lẻ cũng ghi nhận tăng trưởng tích cực, tiêu biểu có (1) FRT đạt doanh thu quý 3 trên 10 nghìn tỷ đồng với động lực chủ yếu từ chuỗi Long Châu khi đạt doanh thu trung bình trên mỗi nhà thuốc đạt 1,2 tỷ đồng/tháng, và (2) MWG đạt lãi kỷ lục với LNST 9T/2024 ở mức 2.881 tỷ đồng, gấp 37 lần svck.
 - Nhóm Hàng và Dịch vụ Công nghiệp (+0,43%).** KQKD Q3/2024 các công ty ngành Cảng, Vận tải ghi nhận tăng trưởng tích cực nhờ các yếu tố phục hồi xuất nhập khẩu và giá cước vận tải gia tăng. Các mã tiêu biểu có HAH, GMD với LNST Q3/2024 tăng lần lượt 88,5% và 32% svck.

Chuyển động giá các nhóm ngành



Tỷ trọng dòng tiền các nhóm ngành



➤ Kết quả kinh doanh các DNNY Quý 2/2024 (1/3)

Tính đến ngày 06/11/2024, đã có 1133 doanh nghiệp trên tổng số 1662 doanh nghiệp niêm yết/giao dịch trên cả 3 sàn công bố kết quả kinh doanh quý 3/2024. So với quý trước, ngoài nhóm Bất động sản tăng 250%, các ngành khác có mức tăng trưởng chậm lại. Tuy nhiên nhìn tổng thể tình hình kết quả kinh doanh vẫn diễn biến tích cực khi hầu hết các ngành đều có mức LNST so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó hai nhóm tăng nổi bật là Bán lẻ (+235,8%), Truyền thông (+101%) và Hóa chất (+71%).

Ngành ICB L2	Vốn hóa TTM (tỷ đồng)	LNST Q3/24 (tỷ VND)	LNST Q2/24 (tỷ VND)	LNST Q2/23 (tỷ VND)	Tăng trưởng QoQ (%)	Tăng trưởng YoY (%)
Tài chính						
Ngân hàng	57.153.166	55.651	60.227	47.356	-7,6%	17,5%
Dịch vụ tài chính	17.751.868	3.312	3.591	3.193	-7,8%	3,7%
Bảo hiểm	892.539	785	1.590	1.207	-50,6%	-35,0%
Phi tài chính						
Bán lẻ	4.446.420	1.385	1.497	412	-7,5%	235,8%
Bất động sản	109.336.076	20.622	5.891	14.106	250,0%	46,2%
Công nghệ Thông tin	6.210.983	2.186	2.021	1.878	8,2%	16,4%
Dầu khí	1.963.929	(696)	2.515	4.616	N/A	N/A
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.215.585	7.402	6.529	5.364	13,4%	38,0%
Du lịch và Giải trí	3.546.382	1.650	1.593	(1.852)	3,5%	N/A
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	142.935.199	8.544	10.858	7.678	-21,3%	11,3%
Hàng cá nhân & Gia dụng	6.706.061	1.521	1.580	988	-3,7%	54,0%
Hóa chất	19.341.134	2.894	3.297	1.689	-12,2%	71,3%
Ô tô và phụ tùng	552.935	84	245	173	-65,7%	-51,3%
Tài nguyên Cơ bản	31.885.863	3.090	4.871	2.475	-36,6%	24,8%
Thực phẩm và đồ uống	107.238.602	10.113	9.624	8.103	5,1%	24,8%
Truyền thông	2.138.742	241	(295)	119	N/A	101,4%
Viễn thông	2.115.581	901	1.595	1.724	-43,5%	-47,8%
Xây dựng và Vật liệu	77.948.136	2.850	3.492	2.276	-18,4%	25,2%
Y tế	3.507.185	846	927	855	-8,8%	-1,0%
Tổng	658.886.383	123.379	121.649	102.362	1,4%	20,5%

Note: Dữ liệu được cập nhật từ BCTC Q2/24 đã công bố của 1133/1662 doanh nghiệp niêm yết / đăng ký giao dịch trên cả 3 sàn. Nguồn dữ liệu được cập nhật từ FiinProX ngày 06/11/2024.

NHẬN ĐỊNH VÀ KHUYẾN NGHỊ



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest



Mở tài khoản để tham gia
room tư vấn của Trung
tâm Tư vấn Đầu tư ABS



-

➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10/2024

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ TRONG THÁNG 10/2024

- Có 05/12 cổ phiếu chạm vùng giá mua khuyến nghị.
- Biến động giá cả danh mục là **-0,4%** theo giá cuối tháng 10 và **+4,8%** theo giá cao nhất đạt được trong tháng 10/2024, so với giá tại ngày khuyến nghị, tốt hơn so với mức biến động của VN-Index tương ứng là **-0,6%** và **+2,4%**.

STT	Mã cổ phiếu	Giá tại ngày ra báo cáo (8/10/2024)	Vùng giá mua đề xuất	Giá thấp nhất chạm vùng KN	Giá mục tiêu – TP1 (TA)	Giá mục tiêu - TP2 (TA)	Giá cắt lỗ (SL)	Giá tại ngày 31/10/2024 hoặc giá cắt lỗ	Tăng/ Giảm (%) so với giá chạm thấp nhất trong vùng KN (hoặc so với giá tại ngày ra báo cáo nếu không có giá chạm vùng KN)	Giá chạm cao nhất trong tháng	Tăng/ Giảm (%) so với giá ngày báo cáo	Sự kiện cổ đông trong tháng 10/ Ghi chú
1	SHS	15.4	13.7-14.3	14.3	17	19	13.3	13.30	-7%	16.6	7.8%	Cắt lỗ do chạm SL
2	VIX	12	10.8-11.2	11	15-16		10	10.95	-0.5%	13	5.4%	n/a
3	ORS	14.35	12.5-13.5		16	19	12.2	14.25	-0.7%	15.1	4.9%	n/a
4	TPB	17.55	16-16,5		19-20		15.5	17.30	-1.4%	18.1	3.1%	n/a
5	VPB	20.1	18.5-19.5		22		18	20.45	1.7%	21.1	4.7%	n/a
6	MSB	12.8	11.5-12		14-15		11	12.35	-3.5%	13.4	4.3%	n/a
7	VGT	14.1	12.7-13.3		15-16	18	12.4	13.70	-2.8%	14.9	5.7%	n/a
8	TCM	46.1	40-41		50		38	45.40	-1.5%	49.2	6.6%	n/a
9	PVB	30.7	27.5-28.5	27.5	33	36	26	27.90	1.5%	32.0	4.2%	n/a
10	PLX	44.65	41-42	41.4	48-50	56	39	41.10	-0.7%	45.5	1.9%	n/a
11	HAH	41.45	38-39		45		36	43.90	5.9%	44.3	6.8%	n/a
12	DHC	37.2	36-37	36.3	41-42	46	34.5	34.50	-5%	38.0	2.2%	Cắt lỗ do chạm SL
Trung bình									-0.4%		4.8%	
VN-Index		1272.0						1,264.48	-0.6%	1,302.22	2.4%	

Ghi chú: Các cổ phiếu trong danh mục không có sự kiện doanh nghiệp trong tháng 10

➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10/2024

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ TRONG THÁNG 08 và 09/2024 VÀ TIẾP TỤC NẮM GIỮ TRONG THÁNG 10/2024

- Biến động giá cả danh mục là **-2,7%** theo giá cuối tháng 10 và **+4,5%** theo giá cao nhất đạt được trong tháng 10/2024, so với giá tại ngày khuyến nghị.

STT	Mã cổ phiếu	Giá tại ngày ra báo cáo (8/10/2024)	Giá tại ngày 31/10/2024	Tăng/ Giảm (%) so với giá ngày báo cáo	Giá chạm cao nhất trong tháng	Tăng/ Giảm (%) so với giá ngày báo cáo	Sự kiện cổ đông trong tháng 10
1	TCB	24.4	23.90	-2.0%	25.2	3.3%	n/a
2	MBB	25.2	25.05	-0.6%	26	4.0%	n/a
3	VCI	37.3	34.65	-7.1%	38.4	2.9%	n/a
4	HCM	30.6	28.80	-5.9%	31.8	3.9%	n/a
5	VNM	68.2	66.10	-3.1%	73.15	7.3%	n/a
6	PNJ	94.8	96.20	1.5%	100.60	6.1%	Cổ tức bằng tiền, 1400đ/CP
7	DGC	113.9	112.30	-1.4%	118.80	4.3%	
Trung bình				-2.7%		4.5%	

Về yếu tố Phân tích kỹ thuật:

Trong Báo cáo chiến lược tháng 10, chúng tôi đã đưa ra các kịch bản thị trường điều chỉnh ngắn hạn và đã khuyến cáo nhà đầu tư hạ tỷ trọng cổ phiếu trong các Bản tin thị trường ngày và tuần trong tháng 10.

Cho tới thời điểm hiện tại, thị trường tiếp tục cho tín hiệu điều chỉnh trên khung biểu đồ ngày. Chỉ số thị trường chung VN-Index và VN30 đều đã và đang điều chỉnh giảm khoảng -4,5% từ vùng đỉnh xuống ngưỡng hỗ trợ đã nêu trong BCCL tháng 10.

Tổng quan, VN-Index đang vận động trong mô hình giá đi ngang trên biểu đồ tuần, với các nhịp tăng - giảm đan xen trong khung biểu đồ ngày. Thị trường điều chỉnh giảm tiệm cận về tới các mốc hỗ trợ với thanh khoản yếu cho thấy tâm lý giao dịch của thị trường trầm lắng, do đó phần lớn cổ phiếu rơi vào trạng thái vượt cản chưa thành công.

Diễn biến dòng tiền trong tháng 10 tiếp tục là sự không đồng thuận giữa các nhóm nhà đầu tư trên thị trường. Trong khi Tự doanh các CTCK mua ròng mạnh, nhà đầu tư cá nhân mua ròng nhẹ, thì nhóm NĐT nước ngoài và tổ chức trong nước đều bán ròng với tổng giá trị lớn.

Xu hướng tháng: giá điều chỉnh về MA10 tháng rút chân nhẹ, khối lượng giao dịch khá lớn, gây áp lực lên khung giao dịch tuần.

Xu hướng tuần: đường giá nằm dưới MA10/20 tuần, đã có cây nến xuyên qua 2 đường trung bình MA10/20 ở tuần thứ 3 của tháng 10 với lực cung chiếm ưu thế. Có sự phân kỳ âm giữa giá và đường MACD, cho thấy xu hướng tiếp tục đi xuống.

Xu hướng ngày: xu hướng điều chỉnh trên 2 khung tháng và tuần tạo áp lực xuống khung ngày gây nên diễn biến điều chỉnh mang tính đồng pha giữa các khung thời gian. Do đó các nhịp điều chỉnh ngày đang ở xu hướng tiếp diễn, với MA10 ngày đang nằm dưới MA20, chỉ báo MACD đang cho các nhịp giảm dưới đường zero...

Các vùng hỗ trợ và kháng cự:

- | | |
|---------------------------|-------------------------|
| • Kháng cự 1: 1285 - 1305 | • Hỗ trợ 1: 1245 – 1225 |
| • Kháng cự 2: 1305 - 1316 | • Hỗ trợ 2: 1207 – 1190 |
| • Kháng cự 3: 1340 - 1350 | • Hỗ trợ 3: 1190 – 1164 |

Các yếu tố vĩ mô:

Thị trường bước vào tháng 11 với nhiều tin tức tích cực so với tháng trước.

- Trên thế giới, lạm phát đang diễn biến theo đà giảm tại các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, UK,... củng cố xu hướng nổi lỏng tiền tệ của các nước này. Fed tiếp tục giảm lãi suất điều hành thêm 25 điểm cơ bản trong tuần đầu tháng 11 và dự báo tiếp tục cắt giảm ít nhất thêm 25 điểm cơ bản trong kỳ họp tháng 12 tới.
- Việc ông Trump trúng cử tổng thống Mỹ được kỳ vọng đem đến nhiều thay đổi lớn trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Trước mắt, ngay sau khi ông Trump được tuyên bố trúng cử, các điểm nóng xung đột trên thế giới như Trung Đông đã phần nào hạ nhiệt...
- Tuy nhiên, sản xuất và việc làm được chứng kiến tiếp tục thu hẹp tại các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU... Nhiều nước đã phải chuẩn bị đối mặt với việc Mỹ áp dụng chính sách thương mại thắt chặt với hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ, có thể khiến kinh tế toàn cầu thêm khó khăn.

Các yếu tố vĩ mô (tiếp):

- Trong nước, sản xuất hồi phục đáng kể với việc các chỉ số IIP và PMI tháng 10 đều tăng mạnh so với tháng 9. Xuất khẩu và vốn đầu tư FDI tiếp tục tích cực. Tăng trưởng tín dụng bứt tốc trong khi thị trường TPDN giảm mạnh phát sinh trái phiếu chậm trả. Đà tăng trưởng dự kiến tiếp tục duy trì tích cực trong 2 tháng còn lại của 2024.
- Các biện pháp đẩy mạnh giải ngân đầu tư công liên tục được triển khai, nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch cả năm 2024.
- Tuy nhiên, điểm trừ là các diễn biến không mong muốn trên thị trường tài chính với việc lãi suất huy động các NHTM đã đồng loạt tăng trở lại trong nửa đầu tháng 11 trong khi tỷ giá đã tăng trở lại trong 3 tuần gần đây, lên mức cao kỷ lục 25.500 VND/USD, tương đương tăng +4,4% so với đầu năm.

Tâm điểm của thị trường chứng khoán trong tháng 11 sẽ là:

- Việc cải cách thể chế với việc nhiều bộ luật được sửa đổi trong Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV khai mạc ngày 21/10/2024, được kỳ vọng gỡ các nút thắt thể chế hỗ trợ tăng trưởng. Theo đó, lần đầu tiên Quốc hội áp dụng việc:
 - Một luật sửa nhiều luật ((i) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; và (ii) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập và Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế).
 - Thông qua các Nghị quyết thí điểm về các vấn đề cấp bách.

Ngoài ra, kỳ họp lần này dự kiến thông qua chủ trương thực hiện dự án xây dựng đường sắt cao tốc với dự toán 67 tỷ USD, là lực đẩy cho đầu tư công trong 2025.

- Chính sách thương mại của ông Trump dự kiến đánh thuế vào hàng hóa Trung Quốc lên đến 60%. Điều này một mặt khiến nhiều mặt hàng thay thế của Việt Nam trở nên có sức cạnh tranh hơn khi xuất khẩu sang Mỹ, nhưng mặt khác có thể khiến hàng hóa giá rẻ Trung Quốc tràn vào thị trường Việt Nam trước áp lực dư cung tại thị trường Trung Quốc. Ngoài ra, xu hướng dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam sẽ được tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ.
- Các động thái gần đây về việc một số nhà cung ứng lớn cho các tập đoàn công nghệ Mỹ thân chính phủ Trump như SpaceX dịch chuyển sản xuất sang Việt Nam, cũng như xu hướng hợp tác công nghệ Mỹ - Việt Nam có thể giúp các doanh nghiệp công nghệ Việt Nam hưởng lợi.
- Về mặt định giá, với sự sụt giảm của VN-Index trong tháng 10 và KQKD Q3 tăng trưởng tốt so với cùng kỳ, P/E của VN-Index giảm từ 14,05x cuối tháng 9 xuống 13,36x cuối tháng 10, thấp hơn -1 độ lệch chuẩn (Std) của chỉ số này trong 1 năm qua. P/E kỳ vọng cho cả năm 2024 dự kiến ở mức thấp hơn do KQKD cả thị trường được dự báo tiếp tục phục hồi trong quý cuối năm.
- Các cổ phiếu vốn hóa lớn trong VN30 đang có định giá P/E là 12,2x, thấp hơn nhiều so với các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ trong VNMID (17,56x) và VNSML (13,06x).

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 11/2024

Dự báo diễn biến VN-Index trong tháng 11/2024:

Với các diễn biến nêu trên, chúng tôi cho rằng mặc dù triển vọng kinh tế Việt Nam khá tích cực, trong ngắn hạn, thị trường vẫn phải đối mặt với khó khăn về dòng tiền khi vốn ngoại tiếp tục bán ròng trong bối cảnh đồng USD và lợi suất TPCP Mỹ tăng trở lại. Trước áp lực về tỷ giá, NHNN phải thực hiện hút tiền qua kênh thị trường mở trong khi ngành ngân hàng đang cần thanh khoản để đáp ứng nhu cầu vốn tăng cao dịp cuối năm. Do đó, chúng tôi dự báo 2 kịch bản cho thị trường trong tháng 11 như sau:

Kịch bản 1: Thị trường tiếp tục suy giảm với thanh khoản giao dịch yếu (10-12k tỷ/phần) về biên dưới của mốc hỗ trợ 1 quanh 1225 điểm, tín hiệu mua khi đó cần xem trên biểu đồ H1 có nền rút chân tương đối mạnh, nhà đầu tư có thể mở vị thế mua ngắn hạn.

Kịch bản 2: Khi thị trường giảm qua vùng giá 1225 với thanh khoản lớn và không cho tín hiệu cầu mua chủ động, nhà đầu tư nên chờ giao dịch ở vùng giá Hỗ trợ 2 và Hỗ trợ 3. Đây là các mốc hỗ trợ quan trọng thiết lập bởi vùng đáy cũ ghi nhận trong tháng 4 và tháng 8/2024 và đỉnh của năm 2023, hợp lưu ngưỡng Fibonacci 50%.

Khuyến nghị

Thị trường chung đang cho áp lực điều chỉnh giảm, các kịch bản giao dịch hướng tới các chiến lược mua vào vị thế ngắn hạn khi VN-Index và cổ phiếu tiệm cận về hỗ trợ đáng tin cậy.

Nhà đầu tư nên quan tâm đến các nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ xu hướng vĩ mô như: BĐS khu công nghiệp, Dệt may, Thủy sản, Công nghệ, Thực phẩm... Nên lựa chọn các cổ phiếu đầu ngành, có yếu tố cơ bản và triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tốt, thể hiện sức mạnh hơn thị trường chung hoặc các cổ phiếu tạo mô hình đáy...

Danh mục cổ phiếu khuyến nghị của ABS trong tháng 11 được trình bày ở phần sau của báo cáo này.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 11/2024

Chỉ số VNINDEX · 1W O 1252.76 H 1267.88 L 1250.94 C 1264.48 +11.76 (+0.94%) Khối lượng 1.836B

▼ 4



TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 11/2024



» DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 11/2024

11/11/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá chốt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
ELC	26.4	24-26	28-29	31-33	N/A	23.0	14.0%	- KQKD Q3/2024 ghi nhận con số kém khởi sắc với doanh thu thuần và LNST lần lượt đạt 177 và 9,1 tỷ đồng (-47,3% và -69,5% svck). Nguyên nhân dẫn đến kết quả đi lùi do một số dự án lớn của ELC bị đẩy lùi tiến độ triển khai dẫn tới việc nghiệm thu chậm so với kế hoạch. Doanh thu bán hàng hóa (chiếm 65,4% DTT) giảm mạnh -56,1% về mức 115,8 tỷ đồng. - Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng về sự phát triển dài hạn của ELC thông qua (i) lĩnh vực về giao thông thông minh (ITS) khi ELC chiếm 60% thị phần ITS tại Việt Nam với các dự án Diễn Châu - Bãi Vọt (hơn 200 tỷ đồng), dự án nút giao Liêm Sơn (30-40 tỷ đồng) và cụm dự án cao tốc Bắc - Nam; (ii) lĩnh vực về cung cấp thiết bị viễn thông như Dự án Nâng cấp hệ thống mạng truyền dẫn DWDM cho Viettel Group: Gói thầu 02-2024-MTD Mua sắm giải pháp nâng cấp cho các mạng truyền dẫn DWDM đang sử dụng thiết bị của Ciena và dịch vụ liên quan với giá 124,7 tỷ đồng (thấp hơn 3,4% so với giá gói thầu) và Gói thầu 16-2024-Mobile Mua sắm giải pháp thay thế phần cứng hệ thống IGW Ribbon cùng dịch vụ kỹ thuật liên quan với giá hơn 20,9 tỷ đồng (thấp hơn 3,2%).
MSH	51.0	48-50	53-54	59-61	53.7	46	9.2%	- Doanh thu Q3/2024 đạt mức cao kỉ lục so với các quý trước đó với doanh thu thuần đạt 1.748,5 tỷ đồng (+45% svck), LNST cổ đông công ty mẹ đạt 130,1 tỷ đồng (+154,2% svck) do công ty ký được nhiều đơn hàng và một số đơn hàng sản xuất trong Q2/2024 được xuất vào đầu tháng 7. Bên cạnh đó, sự hồi phục nói chung của ngành Dệt may ở nửa cuối năm 2024 giúp MSH đạt được kết quả ấn tượng, tăng cao so với mức nền thấp của 2023. Trong 9T2024, mảng FOB và Nội địa (chiếm 85% DTT) tăng +14,4% svck; Mảng CMT (chiếm 15% DTT) tăng +10,7% svck. - Chúng tôi tiếp tục giữ triển vọng khả quan đối với MSH nhờ (i) nhu cầu mua sắm cuối năm tăng cao giúp các đơn hàng cải thiện; (ii) lạm phát tại Mỹ dẫn hạ nhiệt, đồng thời tỷ lệ hàng tồn kho bán lẻ quần áo tại Mỹ cũng đang duy trì ở mức thấp sẽ khiến nước này cần nhập kho số lượng lớn; (iii) đầu tư vào công ty liên doanh Sản xuất trang phục Golden Avenue tại Ai Cập giúp MSH có những lợi thế về chi phí nhân công, thuế xuất đi Mỹ, thời gian vận chuyển; (iv) nhà máy Nghĩa Phong và nhà máy Xuân Trường đi vào hoạt động nâng công suất hoạt động của MSH

» DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 11/2024



11/11/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá chốt lỗ/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
TCM	47.3	46-47	53-57	63	N/A	44.0 18.3%	- TCM tiếp nối quý thứ 3 tăng trưởng liên tiếp trong năm 2024 với doanh thu thuần tăng +20,2% svck, LNST cổ đông công ty mẹ tăng +50,8% svck phần lớn nhờ hoạt động kinh doanh cốt lõi là may mặc & dệt may (chiếm 98% DTT) tăng +15% svck. Theo vị trí địa lý, doanh thu xuất khẩu (chiếm 89,3% DTT) cũng ghi nhận mức tăng trưởng tích cực +16,15% svck. Hiện tại, TCM nhận thêm đơn hàng từ Eland Hàn Quốc, doanh thu từ thị trường Trung Quốc tăng 20%, phát triển mặt hàng vải tập trung ở thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc. - Trong kỳ, công ty ghi nhận thêm khoản thu nhập bất thường từ thanh lý nhượng bán TSCĐ là 16,5 tỷ đồng (tăng mạnh so với mức 788 triệu đồng đầu năm). - Chúng tôi tiếp tục giữ quan điểm tích cực về kết quả năm 2024 của TCM nhờ (i) mức nền thấp của 2023; (ii) tình hình xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam khả quan về nửa cuối năm 2024 khi nhu cầu về hàng hóa và tiêu dùng tăng cao, đặc biệt vào các dịp lễ ở các thị trường chủ lực của TCM như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc,... (iii) việc M&A công ty TNHH Dệt may SY Vina là giải pháp giúp TCM có giấy phép nhuộm và mở rộng phân khúc sản phẩm để thực hiện các đơn hàng giá trị cao, hướng tới nhà sản xuất ODM hàng đầu Việt Nam vào năm 2030.
DTD	27.3	24-26	32-34	38	N/A	22.0 32.0%	KQKD Q3/2024 của DTD khởi sắc so với cùng kỳ khi doanh thu đạt 162 tỷ đồng (+97,4% svck), LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 43 tỷ đồng (gấp 2,7 lần svck). Triển vọng của doanh nghiệp thời gian tới dựa vào (i) DTD có kế hoạch quay trở lại hoạt động kinh doanh xây dựng cốt lõi sau ba năm; (ii) bệnh viện Việt Đức 2 và Bạch Mai 2 sẽ đi vào hoạt động vào năm 2025; (iii) lợi nhuận kỳ vọng từ việc chuyển nhượng CTCP Tân Cảng – Đồng Văn Hà Nam. Tuy nhiên chúng tôi cũng lưu ý rủi ro với DTD khi doanh nghiệp bắt đầu chuyển dịch sang mảng BĐS nhà ở (sau khi đã bàn giao hết BĐS KCN) với kỳ vọng ghi nhận doanh thu từ giai đoạn 2025 – 2026 nên sự tích cực của hoạt động kinh doanh sẽ phụ thuộc vào kết quả của hoạt động kinh doanh mới này.

» DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 11/2024



11/11/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
LHG	38.0	36-37	39-42	44-48	N/A	34 11.0%	- Doanh thu Q3/2024 đạt 91 tỷ đồng (+34,4% svck), LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 42 tỷ đồng (+31,6% svck). Lũy kế 9T/2024, doanh thu đạt 329 tỷ (+31,6% svck), LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 139 tỷ đồng (+29,8% svck). Làn sóng FDI chảy mạnh vào Long An trong 9T/2024 giúp cho mảng cho thuê đất KCN và cho thuê nhà xưởng của LHG khởi sắc. - Trong dài hạn, triển vọng của LHG được kỳ vọng nhờ vào (i) cơ cấu tài chính lành mạnh với dư nợ vay thấp; (ii) diện tích nhà xưởng xây sẵn cho thuê lớn có thể được hưởng lợi từ làn sóng vốn FDI chảy vào Việt Nam; (iii) kế hoạch tích cực mở rộng quỹ đất trong dài hạn. Tuy nhiên, chúng tôi cũng lưu ý trong ngắn hạn, doanh nghiệp đang chỉ cho thuê được ở KCN Long Hậu 3.1, sự chậm trễ trong việc triển khai các KCN tiếp theo có thể ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.
SZC	42.7	39-42	50	56	N/A	37 23.5%	- Lợi nhuận trong Q3/2024 của SZC duy trì sự tăng trưởng từ việc bàn giao đất KCN, doanh thu Q3/2024 đạt 165 tỷ đồng (-21% svck và -37% QoQ), LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 60 tỷ đồng (+8% svck và -42% QoQ). Lũy kế 9T/2024, doanh thu đạt 641 tỷ (+15% svck), mảng KCN, doanh thu 9T/2024 tăng 23% svck đạt 568 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp tăng lên 52,1% so với mức 46,1% nhờ giá cho thuê tại KCN Châu Đức tăng. - Triển vọng của SZC vẫn khả quan trong dài hạn nhờ (i) sức hút của Việt Nam với dòng vốn FDI lớn chảy vào, xu hướng “Trung Quốc+1” – đặc biệt sau khi ông Donal Trump đắc cử Tổng thống Mỹ với những hàng rào thuế quan lớn dự kiến sẽ được áp dụng với Trung Quốc; (ii) SZC sở hữu quỹ đất sẵn sàng cho thuê còn lại lớn tại Bà Rịa – Vũng Tàu; (iii) triển vọng ngắn hạn tích cực nhờ kỳ vọng vào doanh số của Tripod.

» DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 11/2024



11/11/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
VHC	75.0	72-74	78-80	86-88	81.2	68 8.2%	- Doanh thu thuần của VHC Q3/2024 đạt 3.278 tỷ đồng (+21,5% svck), LNST cổ đông công ty mẹ Q3/2024 đạt 321 tỷ đồng (+68,2% svck). Cá tra vẫn là mảng kinh doanh chính của VHC với doanh thu đạt 1,9 nghìn tỷ (+33% svck), chiếm 57% tổng doanh thu. Doanh thu cá tra tăng trong Q3/2024 nhờ cả sản lượng và giá bán bình quân đều tăng. Lũy kế 9T, doanh thu thuần đạt 9.329 tỷ đồng (+22,1% svck), LNST cổ đông công ty mẹ 9T2024 đạt 808 tỷ đồng (-4,8% svck). - Tồn kho cá tra tại Mỹ giảm mạnh. Hiện nay, tồn kho cá tra tại Mỹ đang ở mức thấp hơn các năm 2022, 2023. Với vị thế là doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu cá tra fillet đông lạnh lớn nhất sang Mỹ với 47% thị phần, thủy sản Vĩnh Hoàn được kỳ vọng sẽ hưởng lợi trực tiếp từ việc tồn kho cá tra ở đây đang giảm mạnh trong khi nhu cầu cuối năm tăng cao. - Trung Quốc tung ra các chính sách kích thích kinh tế. Kỳ vọng gói kích thích này sẽ thúc đẩy tiêu dùng, nhờ đó sẽ tác động tích cực đến nhu cầu tiêu thụ cá tra tại nước này. - Triển vọng tăng doanh thu và lợi nhuận từ dây chuyền sản xuất Collagen và Gelatin mới. VHC đã hoàn tất việc nâng cấp thêm 01 dây chuyền sản xuất Collagen và Gelatin, đưa vào vận hành từ giữa năm 2024, giúp tăng thêm 50% công suất mảng này. Đây là mảng có biên lợi nhuận cao hơn đáng kể so với mảng cá tra, giúp đem lại nguồn thu ổn định cho công ty. - ABS Research dự phóng LNST cổ đông công ty mẹ 2024F của VHC đạt 1.058 tỷ đồng (+15% so với năm 2023). EPS và BVPS 2024F ước tính là 4.919 đ/cp và 39.902 đ/cp.

» DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 11/2024



11/11/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
							Doanh thu thuần Q3/2024 đạt 1.341 tỷ đồng (+22% svck), nhờ doanh thu của tất cả các mảng kinh doanh đều tăng, trong đó doanh thu từ mảng thành phẩm cá tra xuất khẩu và nội địa đều tăng 22,3% svck. Lũy kế 9T2024, doanh thu thuần đạt 3.550 tỷ đồng (+6,7% svck), trong đó doanh thu thành phẩm cá tra nội địa tăng 19,6% svck. Chi phí vận chuyển tăng mạnh 118,5% trong Q3/2024 khiến LNST cổ đông công ty mẹ của ANV chỉ đạt 28 tỷ đồng, tăng mạnh so với mức nền cực thấp của Q3/2023 (1 tỷ đồng). Lũy kế 9T2024, LNST cổ đông công ty mẹ đạt 42 tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ 2023.
ANV	18.5	17-18	22.0	25	N/A	16.0	25.7% - Thị trường Trung Quốc và Mỹ đều đã cho thấy sự hồi phục. Theo số liệu của Hải quan Việt Nam, nửa đầu tháng 10/2024, xuất khẩu cá tra Việt Nam sang Mỹ đạt 19 triệu USD, tăng 89% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế xuất khẩu cá tra sang thị trường này tính đến ngày 15/10/2024 đạt 275 triệu USD, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2023. Đối với thị trường Trung Quốc, ANV đã mở rộng thêm được thị trường tại Bắc Kinh và Quảng Châu, đồng thời mở rộng thành công dòng sản phẩm cá tra xẻ bướm tẩm gia vị phục vụ nhu cầu cao tại Trung Quốc. - ABS Research cho rằng bên cạnh những thuận lợi về mặt xuất khẩu thì chi phí vận chuyển vẫn chưa có dấu hiệu giảm sẽ tiếp tục bào mòn phần lớn lợi nhuận của ANV. ABS Research dự phóng LNST năm 2024F dự kiến là 72 tỷ đồng.

» DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 11/2024



11/11/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
BAF	22.5	21-23	25-27		19.6	20.0	18.2%
- Doanh thu thuần BAF Q3/2024 đạt 1.314 tỷ đồng (+7,8% svck). Cơ cấu doanh thu quý 3 đã dịch chuyển mạnh sang mảng chăn nuôi, với tỷ trọng 84%, đạt 1.104 tỷ đồng (+192,3% svck). Trong khi đó mảng nông sản chỉ đạt 210 tỷ đồng (-75% svck). Lũy kế 9T, doanh thu thuần đạt 3.927 tỷ đồng (+8,3% svck), mảng chăn nuôi đóng góp 58% và nông sản đóng góp 42%. Lợi nhuận gộp Q3/2024 đạt 223 tỷ đồng, tăng 55,5% svck do lợi nhuận mảng chăn nuôi mang lại tốt hơn so với mảng nông sản. Lũy kế 9T, lợi nhuận gộp đạt 509 tỷ đồng (+70,2% svck). Biên lợi nhuận cải thiện đang kể từ 11,8% trong Q3/2023 lên 17% trong Q3/2024 nhờ đóng góp của mảng chăn nuôi với biên lợi nhuận tốt hơn tăng lên trong Q3/2024. - Nhờ dịch chuyển cơ cấu doanh thu sang mảng chăn nuôi, BAF đã có thu được những kết quả khả quan trong Q3/2024 và 9T2024. Mảng này sẽ là tiếp tục là mảng mũi nhọn và là động lực tăng trưởng của BAF trong thời gian tới. - Giá heo hơi được kỳ vọng tiếp tục neo cao cuối năm. Giá heo hơi đã tăng kể từ đầu năm, hiện đang neo quanh mức 60.000 - 64.000 VND/kg và dự kiến duy trì ở mức cao do nhu cầu tăng cao dịp lễ tết cuối năm và nguồn cung heo chưa thể hồi phục ngay do dịch tả lợn Châu Phi và các nhà chăn nuôi cần thời gian tái đàn. - Giá TACN tiếp tục neo ở mức thấp. Giá các loại ngũ cốc làm TACN như ngô, lúa mì, khô đậu tương đã giảm khoảng 20% kể từ đầu năm và kỳ vọng vẫn tiếp tục giảm giảm do triển vọng mùa vụ ở các nước sản xuất lớn được cải thiện. - Kết quả kinh doanh 9T2024 của BAF thấp hơn so với kỳ vọng của chúng tôi, chúng tôi hạ dự phóng LNST cổ đông công ty mẹ năm 2024 đạt 299 tỷ đồng. EPS và BVPS 2024F ước tính là 1.648 đ/cp và 12.212 đ/cp.							

» DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 11/2024



11/11/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
VCG	17.9	17-18	20-22	24-25	N/A	16.0	20.0%	9T/2024 VCG ghi nhận KQKD khởi sắc khi doanh thu đạt 8.139 tỷ đồng (-8,7% svck), LNST đạt 765 tỷ đồng (gấp 3,8 lần svck), hoàn thành 80% kế hoạch cả năm 2024. Biên lãi gộp 9 tháng đầu 2024 đạt gần 18%, tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm trước. Triển vọng năm 2024 của VCG khả quan nhờ vào: (i) VCG với vị thế đầu ngành xây dựng hạ tầng, sở hữu lượng backlog lớn với nhiều dự án trọng điểm đang được tập trung triển khai như cao tốc Bắc – Nam hay sân bay Long Thành và giai đoạn cuối năm là giai đoạn đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, (ii) biên lợi nhuận tốt nhờ chuỗi giá trị hoàn thiện, khi VCG sở hữu cả mảng sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng giúp tự chủ một phần vật liệu xây dựng, iii) mảng BĐS nhiều tiềm năng khi VCG đang đẩy mạnh mảng BĐS KCN với 2 dự án: cụm công nghiệp Sơn Đông (Sơn Tây, Hà Nội) dự kiến triển khai trong Q4/2024 và KCN Đông Anh (đã được phê duyệt chủ trương đầu tư) dự kiến khởi công vào Q1/2025.

» DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 11/2024



11/11/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
DGC	115.2	112-114	125-129	138	133.9	108.0	12.4%
- Lũy kế 9T/2024, DTT của DGC đạt 7.447 tỷ đồng (+1,2% svck), LNST cổ đông Công ty mẹ đạt 2.239 tỷ đồng (-6,3% svck). Nguyên nhân dẫn tới KQKD kém khả quan là do: mảng kinh doanh chính là Phốt pho vàng (P4) & Axit Photphoric kém tích cực, nhưng được nâng đỡ bởi mảng phân bón. - Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền dồi dào (chiếm 70,2% cơ cấu TTS), có lịch sử chi trả cổ tức bằng tiền khá đều đặn & đòn bẩy tài chính rất thấp với D/E chỉ ở mức 0,06 lần. Triển vọng dự báo lạc quan dựa trên các yếu tố sau: - Triển vọng mảng Phốt pho vàng (P4) dự báo lạc quan do cả sản lượng tiêu thụ & giá bán P4 sẽ phục hồi từ Q3/2024 khi nhu cầu P4 trên thế giới sẽ tăng cao nhằm đáp ứng cho nhu cầu thị trường phân bón tăng cao & phục vụ cho ngành bán dẫn, sản xuất chip cũng như ngành xe điện đang có dấu hiệu phục hồi. - Biên lợi nhuận của DGC thời gian tới dự kiến có thể cải thiện hơn do DGC có kế hoạch nâng cấp, mở rộng thêm 11ha tại Khai trường 25 (Lào Cai), dự kiến đi vào sản xuất năm 2025, góp phần tăng tính chủ động về nguồn nguyên vật liệu chính là quặng Apatit từ 80% (hiện tại) lên 90%, thậm chí 100% vào năm 2025. - Mảng Axit Photphoric dự báo năm 2024 vẫn yếu nhưng sẽ phục hồi trở lại từ năm 2025. - Mảng phân bón và phụ gia TACN dự kiến vẫn khởi sắc trong năm 2024 và ổn định trong năm 2025. - Dự án Nhà máy cồn 50.000 tấn/năm dự kiến sẽ chạy thử trong tháng 11/2024. Với nhu cầu cồn ngày càng tăng cao, dự án hứa hẹn sẽ đem lại doanh thu gần nghìn tỷ mỗi năm cho DGC. - Động lực tăng trưởng mới đến từ Dự án Chlor – Alkali – Vinyl Nghi Sơn. Dự án có tổng vốn đầu tư giai đoạn 1 là 2.400 tỷ, sẽ khởi công từ Q4/2024, công suất thiết kế 50.000 tấn NaOH/năm. Dự án này khi đi vào khai thác dự kiến mang lại 2.500 tỷ đồng doanh thu/năm nếu hoạt động 100% công suất. - Dự án Alumin tại Đắk Nông, có công suất 2 triệu tấn Alumin và 300.000 tấn nhôm thải, hứa hẹn triển vọng dài hạn nếu được triển khai, hiện DGC cũng đang theo đuổi để sớm có Giấy phép cho dự án. Chúng tôi dự phóng DTT & LNST của cổ đông Công ty mẹ năm 2024F của DGC dự kiến đạt 10.463 tỷ đồng (+7,3% svck) & 3.450 tỷ đồng (+11,3% svck). EPS & BVPS 2024F dự kiến đạt 9.084 đồng/cp & 36.846 đồng/cp, tương ứng 2024F P/E và P/B đạt 12,7 lần & 3,1 lần tại mức giá giao dịch hiện tại.							

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Để được hỗ trợ tư vấn và nhận các thông tin khuyến nghị, báo cáo thường xuyên, kịp thời, tải ABS Invest ngay tại



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest



Mở tài khoản để tham gia
room tư vấn của Trung tâm
Tư vấn Đầu tư ABS

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Nguyễn Thị Thùy Linh – Giám đốc Trung tâm Phân tích

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Điện thoại: (+84 - 24) 3562 4626 Số máy lẻ: 160

www.abs.vn



Thank you!